

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP

# PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



HỎI - ĐÁP

**PHÁP LUẬT VỀ  
BẢO VỆ, CHĂM SÓC  
VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM**

## **HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

**Phó Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

**Thành viên:**

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. VŨ TRỌNG LÂM

DƯƠNG BẠCH LONG - NGUYỄN XUÂN ANH  
NGUYỄN VĂN HIỂN

HỎI - ĐÁP  
**PHÁP LUẬT VỀ  
BẢO VỆ, CHĂM SÓC  
VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM**

*(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 2011



## CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình và toàn xã hội. Điều đó đã được quy định tại Điều 65 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001: "*Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục*". Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, ngày 15-6-2004 Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 5 đã ban hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2005. Ngoài ra, việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã được quy định trong nhiều văn bản luật khác như: Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Luật giáo dục năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Bộ luật dân sự năm 2005; Luật nuôi con nuôi năm 2010 v.v..

Đáp ứng nhu cầu của bạn đọc nắm bắt được các nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách: ***Hỏi - đáp pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)***.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT





## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	17
Câu hỏi 1: <i>Thế nào là trẻ em?</i>	17
Câu hỏi 2: <i>Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là gì?</i>	20
Câu hỏi 3: <i>Nhà nước Việt Nam đã ban hành những văn bản pháp luật quan trọng nào để bảo vệ quyền trẻ em?</i>	22
Câu hỏi 4: <i>Nội dung các văn bản pháp lý quan trọng về quyền trẻ em đã khẳng định những vấn đề gì liên quan đến trẻ em?</i>	28
Câu hỏi 5: <i>Trẻ em được hưởng các quyền và phải thực hiện bốn phận gì theo quy định của pháp luật?</i>	29
Câu hỏi 6: <i>Trẻ em có những quyền cơ bản gì?</i>	30
Câu hỏi 7: <i>Bốn phận của trẻ em là gì?</i>	31
Câu hỏi 8: <i>Trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	32
Câu hỏi 9: <i>Trách nhiệm của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quy định như thế nào?</i>	32
Câu hỏi 10: <i>Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quy định như thế nào?</i>	34
Câu hỏi 11: <i>Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	37

Câu hỏi 12: <i>Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	38
Câu hỏi 13: <i>Trách nhiệm của cơ quan thông tin tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	39
Câu hỏi 14: <i>Trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	40
Câu hỏi 15: <i>Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	40
Câu hỏi 16: <i>Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	41
Câu hỏi 17: <i>Nhà nước Việt Nam có những chính sách hợp tác quốc tế gì trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em?</i>	43
Câu hỏi 18: <i>Những hành vi như thế nào thì bị pháp luật nghiêm cấm nhằm bảo vệ quyền lợi và sự phát triển bình thường của trẻ em?</i>	44
<b>PHẦN II. CÁC QUYỀN CƠ BẢN VÀ BỐN PHẬN CỦA TRẺ EM</b>	47
<b>Mục 1. Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em</b>	47
Câu hỏi 19: <i>Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	47
Câu hỏi 20: <i>Quốc tịch của trẻ em được xác định như thế nào?</i>	48
Câu hỏi 21: <i>Quyền được khai sinh của trẻ em được xác định như thế nào?</i>	50

Câu hỏi 22: Việc khai sinh của trẻ em được xác định như thế nào?	51
<b>Mục 2. Quyền sống chung với cha mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng</b>	54
Câu hỏi 23: Quyền sống chung với cha mẹ của trẻ em được quy định như thế nào?	54
Câu hỏi 24: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được bảo đảm như thế nào?	55
Câu hỏi 25: Trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo vệ quyền trẻ em được quy định như thế nào?	57
Câu hỏi 26: Khi phải sống cách ly cha mẹ thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được bảo đảm như thế nào?	58
<b>Mục 3. Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự</b>	60
Câu hỏi 27: Pháp luật hình sự quy định những tội danh nào khi tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự của trẻ em bị xâm hại?	60
Câu hỏi 28: Đối với các hành vi xâm phạm quyền của trẻ em mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như thế nào?	62
<b>Mục 4. Chăm sóc sức khỏe trẻ em</b>	73
Câu hỏi 29: Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em được xác định như thế nào?	73
Câu hỏi 30: Việc cấp và quản lý Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?	77
Câu hỏi 31: Thủ tục cấp, cấp lại Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?	79

Câu hỏi 32: Việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?	82
Câu hỏi 33: Trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ và của cơ sở khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?	84
Câu hỏi 34: Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được xác định như thế nào?	87
<b>Mục 5. Quyền học tập, vui chơi, giải trí, và phát triển năng khiếu của trẻ em</b>	94
Câu hỏi 35: Quyền được học tập của trẻ em được quy định như thế nào?	94
Câu hỏi 36: Phổ cập giáo dục là gì? Trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em được quy định như thế nào?	95
Câu hỏi 37: Giáo dục phổ thông trang bị những kiến thức gì cho trẻ em?	96
Câu hỏi 38: Quyền vui chơi, giải trí của trẻ em được bảo đảm như thế nào?	97
Câu hỏi 39: Quyền được hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch của trẻ em được bảo đảm như thế nào?	101
Câu hỏi 40: Quyền được phát triển năng khiếu của trẻ em được bảo đảm như thế nào?	102
<b>Mục 6. Quyền có tài sản và quyền được tiếp cận thông tin, và tham gia hoạt động xã hội của trẻ em</b>	104
Câu hỏi 41: Quyền có tài sản của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?	104

Câu hỏi 42: <i>Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	106
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

PHẦN III. BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG	109
-------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 43: <i>Thế nào là lao động trẻ em?</i>	109
------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 44: <i>Độ tuổi lao động của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	110
-------------------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 45: <i>Khi người sử dụng lao động nhận trẻ em vào làm việc phải tuân thủ những quy định nào?</i>	111
----------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 46: <i>Thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên được quy định như thế nào?</i>	113
-----------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 47: <i>Nhà nước qui định những điều kiện lao động nào và những loại công việc nào cấm sử dụng lao động chưa thành niên?</i>	114
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 48: <i>Việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với lao động chưa thành niên được quy định như thế nào?</i>	116
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----

PHẦN IV. BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	118
--------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 49: <i>Trẻ em được pháp luật bảo vệ quyền nhân thân như thế nào?</i>	118
------------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 50: <i>Nơi cư trú của trẻ em được quy định cụ thể như thế nào?</i>	119
----------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 51: <i>Trẻ em gây thiệt hại có phải bồi thường không?</i>	122
-------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 52: <i>Trẻ em là con nuôi được pháp luật bảo vệ như thế nào?</i>	123
--------------------------------------------------------------------------	-----

Câu hỏi 53: <i>Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi được pháp luật quy định như thế nào?</i>	130
Câu hỏi 54: <i>Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được quy định như thế nào?</i>	131
Câu hỏi 55: <i>Thế nào là trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo? Trường hợp được nhận làm con nuôi ở nước ngoài thì thủ tục như thế nào?</i>	132
Câu hỏi 56: <i>Trình tự, thủ tục để trẻ em làm con nuôi trong nước được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?</i>	133
Câu hỏi 57: <i>Trình tự, thủ tục để trẻ em làm con nuôi người nước ngoài được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?</i>	139
<b>PHẦN V. BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT</b>	148
<b>Mục 1. <i>Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</i></b>	148
Câu hỏi 58: <i>Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được pháp luật bảo vệ như thế nào?</i>	148
Câu hỏi 59: <i>Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được xác định như thế nào?</i>	149
Câu hỏi 60: <i>Pháp luật xác định các hình thức trợ giúp nào trong việc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?</i>	151
Câu hỏi 61: <i>Điều kiện để các cá nhân hoặc các cặp vợ chồng có thể nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để chăm sóc thay thế?</i>	152
Câu hỏi 62: <i>Gia đình và gia đình thay thế có vai trò như thế nào trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?</i>	154

Câu hỏi 63: *Trách nhiệm của cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình đối với trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt?* 155

**Mục 2. Bảo vệ đối với trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi** 158

Câu hỏi 64: *Trẻ em trong trường hợp nào thì được coi là mồ côi, không nơi nương tựa và bị bỏ rơi?* 158

Câu hỏi 65: *Nhà nước có chính sách như thế nào để khuyến khích các cá nhân, gia đình, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi?* 158

Câu hỏi 66: *Những gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi như thế nào?* 160

Câu hỏi 67: *Khi gặp trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi thì các cá nhân, tổ chức cần thực hiện những biện pháp gì để giúp đỡ các em có được sự chăm sóc, bảo trợ của gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?* 161

Câu hỏi 68: *Những thủ tục cần thiết trong việc giám hộ hoặc nhận làm con nuôi đối với trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi?* 162

**Mục 3. Bảo vệ trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học** 166

Câu hỏi 69: *Nhà nước có chính sách như thế nào trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học?* 166

Câu hỏi 70: <i>Những gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học như thế nào?</i>	169
Câu hỏi 71: <i>Trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học, khi khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng được hưởng những chế độ, chính sách gì?</i>	170
<b>Mục 4. Bảo vệ trẻ em nhiễm HIV/AIDS</b>	171
Câu hỏi 72: <i>Chính sách không phân biệt đối xử, chăm sóc, bảo vệ trẻ em nhiễm HIV/AIDS của Nhà nước ta được quy định như thế nào? Những cá nhân, gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS như thế nào?</i>	171
Câu hỏi 73: <i>Khi trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS thì cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình cần thực hiện các biện pháp gì để mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ?</i>	174
Câu hỏi 74: <i>Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS được hưởng chế độ, chính sách gì?</i>	175
Câu hỏi 75: <i>Việc khám, chữa bệnh cho các em nhiễm HIV/AIDS được thực hiện như thế nào?</i>	176
Câu hỏi 76: <i>Trong trường hợp gia đình không có khả năng chữa bệnh, nuôi dưỡng trẻ em nhiễm HIV/AIDS thì cần liên hệ với cơ quan, tổ chức nào để chữa bệnh, nuôi dưỡng các em?</i>	178
Câu hỏi 77: <i>Những địa chỉ cần thiết trong việc tư vấn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS?</i>	179



<b>Mục 5. Bảo vệ trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại và trẻ em phải làm việc xa gia đình</b>	180
Câu hỏi 78: Thế nào là lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm những việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại?	180
Câu hỏi 79: Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình, chính quyền cơ sở trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại?	182
<b>Mục 6. Bảo vệ trẻ em lang thang</b>	183
Câu hỏi 80: Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình và chính quyền các cấp trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em lang thang?	183
Câu hỏi 81: Khi phát hiện trẻ em trong gia đình bỏ nhà đi lang thang, thì gia đình cần thực hiện các thủ tục khai báo như thế nào với chính quyền sở tại?	185
<b>Mục 7. Bảo vệ trẻ em bị xâm hại tình dục</b>	186
Câu hỏi 82: Những hành vi nào được coi là xâm hại tình dục trẻ em?	186
Câu hỏi 83: Gia đình, các cấp chính quyền, đoàn thể và cộng đồng cần làm gì để phòng ngừa tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục?	188
<b>Mục 8. Bảo vệ trẻ em nghiện ma túy</b>	189
Câu hỏi 84: Khi phát hiện trẻ em có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến ma túy, gia đình cần thực hiện các biện pháp gì?	189
Câu hỏi 85: Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình trong việc phòng	

<i>ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy và giúp đỡ trẻ em cai nghiện ma túy?</i>	190
Câu hỏi 86: <i>Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy và giúp đỡ trẻ em cai nghiện ma túy?</i>	192
Câu hỏi 87: <i>Thủ tục đưa các em vào cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?</i>	196
Câu hỏi 88: <i>Chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đối với trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?</i>	201
<b>Mục 9. Bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật</b>	202
Câu hỏi 89: <i>Trách nhiệm hình sự đối với trẻ em phạm tội được quy định như thế nào?</i>	202
Câu hỏi 90: <i>Trách nhiệm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật được quy định như thế nào?</i>	204
Câu hỏi 91: <i>Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với trẻ em được quy định như thế nào?</i>	207
Câu hỏi 92: <i>Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, chính quyền cơ sở và đoàn thể trong việc giúp trẻ em vi phạm pháp luật sớm sửa chữa sai lầm, tái hoà nhập cộng đồng được pháp luật quy định như thế nào?</i>	208

## *Phần I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Câu hỏi 1: *Thế nào là trẻ em?***

##### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 1 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em<sup>1</sup> thì trẻ em được xác định *“trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”*.

Phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc, theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 thì *trẻ em là công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi*.

Trẻ em theo quy định của pháp luật không phân biệt gái, trai, con trong gia đình, con ngoài

---

1. Công ước đã được Liên hợp quốc thông qua ngày 20-11-1989, có hiệu lực là luật quốc tế từ ngày 2-9-1990. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới đã phê chuẩn Công ước mà không bảo lưu ngày 28-02-1990.

giá thú, con đẻ, con nuôi, con riêng, con chung; không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, chính kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ, đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật.

Đối với trẻ em - chủ thể pháp luật đặc biệt, pháp luật Việt Nam quy định một cách cụ thể về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của trẻ em ở từng độ tuổi nhằm thể hiện nhất quán nguyên tắc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người chưa thành niên nói chung và trẻ em nói riêng.

*Ví dụ:*

1- Theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì *người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi* bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Khi phạt tiền đối với họ thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay.

Người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 26 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì bị xử lý theo quy định tại các điều khoản đó.

Người chưa thành niên vi phạm hành chính gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định *người từ đủ 14 tuổi trở lên* bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự, trong đó chia thành các độ tuổi:

*Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi* chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý với mức hình phạt cao nhất là 12 năm tù;

*Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi* phải chịu trách nhiệm về mọi tội phạm với mức hình phạt cao nhất là 18 năm tù.

3- Bộ luật dân sự Việt Nam số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự năm 2005) quy định người chưa thành niên (là người từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi) chỉ có năng lực hành vi dân sự hạn chế, nghĩa là "khi xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý"; nhưng lại

cho phép "*người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi* nếu có tài sản riêng đủ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà không đòi hỏi phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp có quy định khác".

Trẻ em dưới 15 tuổi, trong những trường hợp nhất định, bắt buộc phải có người giám hộ để chăm sóc, giáo dục.

4- Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, và năm 2007 (sau đây gọi tắt là Bộ luật lao động) quy định *người lao động chưa thành niên* là người chưa đủ 18 tuổi (Điều 119) đồng thời xác định rõ người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi (Điều 6) và *ng nghiêm cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc* trừ một số nghề, công việc nhất định với sự đồng ý và theo dõi của cha mẹ hoặc người đỡ đầu (Điều 120).

5- Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định *người từ 15 tuổi trở xuống mới được nhận làm con nuôi* (Điều 35)...

**Câu hỏi 2: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là gì?**

**Trả lời:**

Trẻ em theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hiểu là có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh

thân, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hoà nhập với gia đình, cộng đồng. Từ định nghĩa này, Điều 40 đã quy định: “Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật”. Theo đó:

1. Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định; trẻ em cùng với gia đình đi lang thang.

2. Trẻ em mồ côi là trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích ruột thịt (ông, bà nội ngoại; bố mẹ nuôi hợp pháp, anh chị) để nương tựa.

Trẻ em mồ côi còn được hiểu bao gồm cả trẻ em dưới 16 tuổi chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại (mẹ hoặc cha) mất tích theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng (như tàn tật nặng, đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại), không có nguồn nuôi dưỡng và không có người thân thích để nương tựa.

3. Trẻ em khuyết tật, tàn tật là trẻ em bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau,

làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho sinh hoạt, học tập và lao động gặp nhiều khó khăn.

4. Trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học: Là trẻ em bị dị dạng, dị tật do hậu quả chất độc hoá học.

5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS: Là trẻ em đã được cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận bị nhiễm HIV/AIDS.

**Câu hỏi 3: Nhà nước Việt Nam đã ban hành những văn bản pháp luật quan trọng nào để bảo vệ quyền trẻ em?**

**Trả lời:**

Phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và tiếp nối truyền thống “trồng người”, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong đó phải kể đến những văn bản quan trọng là:

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 51/2001/NQ-QHX ngày 25-12-2001 (các điều 35, 36, 40, 59, 63, 64, 65 và 67).

- Bộ luật dân sự năm 2005 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2006 thay thế cho Bộ luật dân sự năm 1995.



- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 thay thế cho Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991.

- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thay thế cho Bộ luật hình sự năm 1985.

- Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007.

- Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

- Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13-11-2008 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 thay thế Luật quốc tịch năm 1998.

- Bộ luật tố tụng hình sự số 19/2003/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26-11-2003 và có hiệu lực từ ngày 01-7-2004 thay thế cho Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.

- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30-6-1989 và có hiệu lực thi hành từ ngày 11-7-1989.

- Luật giáo dục năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) ngày 02-7-2002 thay thế cho Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 1995.

- Pháp lệnh thi hành án phạt tù được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 8-3-1993 được sửa đổi, bổ sung năm 2007.

- Nghị định số 60/CP ngày 16-9-1993 của Chính phủ ban hành Quy chế trại giam.

- Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19-12-2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Nghị định số 59/2000/NĐ-CP ngày 30-10-2000 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội.

- Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24-11-2003 của Chính phủ quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng.

- Nghị định số 52/2001/NĐ-CP ngày 23-8-2001 của Chính phủ hướng dẫn thi hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

- Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27-12-

2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (thay thế cho Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10-10-1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch).

- Quyết định số 210/2004/QĐ-TTg ngày 14-12-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg ngày 14-7-2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010.

- Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17-3-2004 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp kinh phí cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi.

- Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12-02-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004 - 2010.

- Quyết định số 135/2003/QĐ-TTg ngày 09-7-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc củng cố và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

- Quyết định số 23/2001/QĐ-TTg ngày 26-02-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010.

- Chỉ thị số 03/2000/CT-TTg ngày 24-1-2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- Chỉ thị số 17/2001/CT-TTg ngày 20-7-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai "Chiến dịch quốc gia tiêm vắc xin phòng bệnh sởi mũi 2" cho trẻ em từ 9 tháng đến 10 tuổi trong 2 năm 2002 - 2003.

- Chỉ thị số 06-TTg ngày 23-01-1998 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng sức lao động.

- Thông tư liên tịch số 16/2005/TTLT/BTC-UBDSGĐTE-BLĐTBXH ngày 03-3-2005 của Bộ Tài chính, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12-02-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010.

- Thông tư số 02/2005/TT-DSGĐTE ngày 10-6-2005 của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập.

- Thông tư số 14/2005/TT-BYT ngày 10-5-2005 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện khám bệnh,

chữa bệnh và quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập.

- Thông tư số 26/2005/TT-BTC ngày 06-4-2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập.

- Thông tư số 112/2004/TT-BTC ngày 24-11-2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

- Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26-4-2004 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và mức chi của Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

- Thông tư liên tịch số 68/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20-6-2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý kinh phí thực hiện Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học và trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005 - 2010”.

- Quyết định số 29/2004/QĐ-BKHCN ngày 27-10-2004 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quản lý chất lượng mũ bảo hiểm cho trẻ em khi tham gia giao thông trên mô tô và xe máy.

- Quyết định số 1905/2003/QĐ-BYT ngày 04-6-2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chẩn đoán và xử trí bệnh viêm não cấp ở trẻ em.

...

**Câu hỏi 4: *Nội dung các văn bản pháp lý quan trọng về quyền trẻ em đã khẳng định những vấn đề gì liên quan đến trẻ em?***

**Trả lời:**

Theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và các văn bản pháp luật quan trọng khác thì:

- Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch; được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ và nuôi dạy để phát triển thể chất, trí tuệ và đạo đức; được Nhà nước và xã hội tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình về những vấn đề có liên quan; được học tập và được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để phát triển năng khiếu và có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi v.v..

- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Các quyền của trẻ em phải được tôn trọng và thực hiện. Mọi hành vi vi phạm quyền của trẻ em, làm tổn hại đến sự phát triển bình thường của trẻ em, đều bị nghiêm trị.

- Trẻ em không nơi nương tựa, được Nhà nước và xã hội tổ chức chăm sóc, nuôi dạy.

**Câu hỏi 5: *Trẻ em được hưởng các quyền và phải thực hiện bốn phận gì theo quy định của pháp luật?***

**Trả lời:**

Theo quy định của Điều 2 Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì trẻ em được hưởng các quyền và thực hiện các bốn phận sau:

1. Trẻ em là công dân Việt Nam được hưởng các quyền và thực hiện bốn phận theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trẻ em là công dân Việt Nam trong thời gian sinh sống ở nước ngoài, được hưởng các quyền và phải thực hiện các bốn phận theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nơi trẻ em đang sinh sống. Trường hợp pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nơi trẻ em là công dân Việt Nam đang sinh sống có quy định khác nhau thì quyền và bốn phận của trẻ em được thực hiện theo điều ước quốc tế mà hai nước cùng là thành viên.

Trường hợp không có điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài liên quan thì quyền và bổn phận của trẻ em là công dân Việt Nam được thực hiện theo tập quán quốc tế hoặc theo thỏa thuận giữa hai nước trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trẻ em là người nước ngoài trong thời gian cư trú tại Việt Nam được hưởng các quyền và thực hiện các bổn phận theo quy định của điều ước quốc tế mà hai nước cùng là thành viên.

### **Câu hỏi 6: *Trẻ em có những quyền cơ bản gì?***

#### **Trả lời:**

Theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì:

*Trẻ em có những quyền cơ bản sau:*

- Được khai sinh và có quốc tịch (Điều 11 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng (Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền sống chung với cha mẹ (Điều 13 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự (Điều 14 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);



- Quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 15 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền được học tập (Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch (Điều 17 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền được phát triển năng khiếu (Điều 18 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền có tài sản (Điều 19 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội (Điều 20 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004);
- Được bảo vệ để khỏi bị bóc lột trong công việc;
- Được nhận làm con nuôi v.v..

### **Câu hỏi 7: *Bốn phận của trẻ em là gì?***

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 21 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì trẻ em có bốn phận sau đây:

- Yêu quý, kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; kính trọng thầy giáo, cô giáo; lễ phép với người lớn, thương yêu em nhỏ, đoàn kết với bạn bè; giúp đỡ người già yếu, người khuyết tật, tàn tật, người gặp hoàn cảnh khó khăn theo khả năng của mình;

- Chăm chỉ học tập, giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, thực hiện trật tự công cộng và an toàn giao thông, giữ gìn của công, tôn trọng tài sản của người khác, bảo vệ môi trường;

- Yêu lao động, giúp đỡ gia đình làm những việc vừa sức mình;

- Sống khiêm tốn, trung thực và có đạo đức; tôn trọng pháp luật; tuân theo nội quy của nhà trường; thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá; tôn trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc;

- Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và đoàn kết quốc tế.

**Câu hỏi 8: *Trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường, Nhà nước, xã hội và công dân. Trong mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có liên quan đến trẻ em thì lợi ích của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân ở trong nước và nước ngoài góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

**Câu hỏi 9: *Trách nhiệm của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 65 Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì: *Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục*. Cụ thể hoá quy định của Hiến pháp, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 đã quy định một cách cụ thể trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trách nhiệm cụ thể như sau:

- Nhà nước có chính sách đầu tư, thực hiện xã hội hóa, mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Nhà nước có chính sách tạo điều kiện cho trẻ em là con thương binh, liệt sĩ, người có công, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em của hộ nghèo, trẻ em cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các quyền của trẻ em; có chính sách hỗ trợ gia đình thực hiện trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Nhà nước có chính sách phát triển sự nghiệp y tế, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; có chính sách miễn, giảm phí khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho trẻ em; bảo đảm kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động nhân đạo, từ thiện ủng hộ kinh phí chữa bệnh cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ trẻ em vui chơi, giải trí.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của trẻ em; tạo điều kiện cho nhà văn hoá thiếu nhi, nhà trường và tổ chức, cá nhân thực hiện việc bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của trẻ em.

- Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức cho trẻ em của các gia đình chưa có hộ khẩu thường trú được đăng ký khai sinh, học tập và chăm sóc sức khoẻ tại nơi mà cha mẹ đang làm việc, sinh sống.

- Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phát triển mạng lưới trường học, cơ sở y tế, nhà văn hóa, cơ sở thể thao, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở tư vấn cho trẻ em, cha mẹ, người giám hộ và nhân dân về việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

**Câu hỏi 10: *Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 64 Hiến pháp năm

1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì: *Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ.*

Cụ thể hoá quy định của Hiến pháp năm 1992, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được xác định như sau:

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn.

- Cha mẹ, người giám hộ là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, dành điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em; khi gặp khó khăn tự mình không giải quyết được, có thể yêu cầu và được cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình phải gương mẫu về mọi mặt cho trẻ em noi theo; có trách nhiệm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm chăm lo chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng lứa tuổi.

- Cha mẹ có trách nhiệm bảo đảm điều kiện để

trẻ em được sống chung với mình.

- Gia đình, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của trẻ em; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn cho trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em.

- Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

- Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm thực hiện giáo dục toàn diện về đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất, giáo dục lao động hướng nghiệp cho trẻ em; chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải có điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

- Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm phát hiện, khuyến khích, bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của trẻ em.

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật.

- Cha mẹ, người giám hộ hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan phải giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Gia đình, Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện, giúp đỡ trẻ em được tiếp cận thông tin phù hợp, được phát triển tư duy sáng tạo và bày tỏ nguyện vọng; có trách nhiệm lắng nghe và giải quyết nguyện vọng chính đáng của trẻ em.

**Câu hỏi 11: *Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em - thế hệ tương lai của đất nước - được xác định là trách nhiệm của gia đình, nhà trường, Nhà nước, xã hội và mọi công dân. Trong đó:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<sup>1</sup> là cơ

---

1. Trước đây là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, nay chức năng này chuyển sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Theo đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của Bộ;

b) Quy định điều kiện thành lập, tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em;

c) Quy định thủ tục tiếp nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vào các cơ sở trợ giúp trẻ em và từ cơ sở trợ giúp trẻ em trở về gia đình;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác thực hiện Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em; Chương trình bảo vệ trẻ em, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các chương trình, kế hoạch khác về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

đ) Quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo sự phân công của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.



**Câu hỏi 12: *Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 34 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt pháp luật về trẻ em;

b) Vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Chăm lo, bảo vệ quyền lợi của trẻ em, giám sát việc chấp hành pháp luật về trẻ em, đưa ra những kiến nghị cần thiết đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để thực hiện những nhiệm vụ đó; ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em.

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan để tổ chức, hướng dẫn việc nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn hoạt động của

thiếu niên, nhi đồng; phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

**Câu hỏi 13:** *Trách nhiệm của cơ quan thông tin tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 35 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì cơ quan thông tin tuyên truyền có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Giới thiệu mô hình, điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát hiện, phê phán hành vi vi phạm quyền của trẻ em, trẻ em vi phạm những việc không được làm.

**Câu hỏi 14:** *Trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 36 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì cơ quan bảo vệ pháp luật có trách nhiệm:

- Thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của trẻ em; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Phối hợp với gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục đối với những trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật.

- Việc xử lý trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ để trẻ em nhận thấy sai lầm, sửa chữa sai lầm và tiến bộ.

**Câu hỏi 15: Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Nguồn tài chính cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em bao gồm: ngân sách nhà nước, viện trợ quốc tế, ủng hộ của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác. Bao gồm:

- Ngân sách nhà nước dành cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được xác định theo tỷ lệ trên tổng ngân sách nhà nước hàng năm;

- Quỹ Bảo trợ trẻ em được hình thành từ sự đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Nguồn tài chính của các cơ sở trợ giúp trẻ em v.v..

**Câu hỏi 16: Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Cụ thể hóa quy định này của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Điều 19 Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em hướng dẫn cụ thể về Quỹ Bảo trợ trẻ em. Theo đó, Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm mục đích vận động sự đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Quỹ Bảo trợ trẻ em được ngân sách nhà nước hỗ trợ lần đầu khi mới thành lập. Hằng năm, căn cứ vào hiệu quả hoạt động, Quỹ được ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2002.

Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập ở cấp nào thì do cơ quan bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp đó quản lý và sử dụng vào việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, không được dùng vào mục đích khác.

Quỹ Bảo trợ trẻ em hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích thu lợi nhuận; tôn trọng mục đích đóng góp; công khai các nguồn thu và các khoản chi; khai thác, tiếp nhận, phát triển và sử

dụng nguồn vốn theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt, theo văn bản ký kết với nhà tài trợ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ; không được sử dụng Quỹ để hoạt động trái pháp luật.

Đối tượng trẻ em được Quỹ Bảo trợ trẻ em hỗ trợ bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật; trẻ em mắc các bệnh nặng, hiểm nghèo, chi phí điều trị cao; trẻ em miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng bị thiên tai, dịch bệnh; trẻ em thuộc gia đình nghèo vượt khó học giỏi và các đối tượng đột xuất khác cần hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Quỹ Bảo trợ trẻ em được sử dụng để chi hỗ trợ cho trẻ em phải trả chi phí điều trị cao khi chữa bệnh nặng, hiểm nghèo, phục hồi chức năng; hỗ trợ học bổng, đồ dùng học tập; trợ cấp sinh hoạt khi bị thiên tai, dịch bệnh, tai nạn rủi ro; xây dựng các lớp mẫu giáo, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng; chi khác phù hợp với tôn chỉ mục đích của Quỹ và chi cho công tác quản lý Quỹ.

**Câu hỏi 17: Nhà nước Việt Nam có những chính sách hợp tác quốc tế gì trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em?**

**Trả lời:**

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chính sách mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với các nước, tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật mỗi nước và thông lệ quốc tế.

Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm:

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Tham gia các tổ chức quốc tế; ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ hiện đại phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; trao đổi thông tin và kinh nghiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Các tổ chức quốc tế liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở nước ngoài được hoạt

động trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Câu hỏi 18: *Những hành vi như thế nào thì bị pháp luật nghiêm cấm nhằm bảo vệ quyền lợi và sự phát triển bình thường của trẻ em?***

**Trả lời:**

Để bảo vệ quyền lợi và sự phát triển bình thường của trẻ em, pháp luật nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Cha mẹ bỏ rơi con, người giám hộ bỏ rơi trẻ em được mình giám hộ;

2. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi;

3. Dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe;

4. Dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; xâm hại tình dục trẻ em;

5. Lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hoá phẩm kích động bạo lực, đồi trụy; làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, tàng trữ văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em;

6. Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, chiếm đoạt, bắt cóc, mua bán, đánh tráo trẻ em; lợi dụng trẻ

em vì mục đích trục lợi; xúi giục trẻ em thù ghét cha mẹ, người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác;

7. Lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;

8. Cản trở việc học tập của trẻ em;

9. Áp dụng biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình đối với trẻ em vi phạm pháp luật;

10. Đặt cơ sở sản xuất, kho chứa thuốc trừ sâu, hoá chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ gần cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em v.v.;

11. Nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khoẻ để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách v.v.;

12. Sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại v.v..



***Phần II***  
**CÁC QUYỀN CƠ BẢN**  
**VÀ BỐN PHẬN CỦA TRẺ EM**

**Mục 1**  
**QUYỀN ĐƯỢC KHAI SINH**  
**VÀ CÓ QUỐC TỊCH CỦA TRẺ EM**

**Câu hỏi 19:** *Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 11 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Điều 29 và Điều 45 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch.

Để bảo đảm quyền được khai sinh và có quốc tịch của cá nhân, công dân, pháp luật đã quy định một cách cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền khai sinh và quốc tịch cụ thể tại: (i) Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 (*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008*), (ii) Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch.

**Câu hỏi 20: Quốc tịch của trẻ em được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 45 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *Cá nhân có quyền có quốc tịch.* Theo quy định tại các điều từ 15 đến 19 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 thì quốc tịch của trẻ em được xác định dựa trên các căn cứ sau:

- Trẻ em khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam, không kể trẻ em đó sinh trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam.

- Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là người không quốc tịch, hoặc có mẹ là công dân Việt Nam, còn cha không rõ là ai, thì có quốc tịch Việt Nam, không kể trẻ em đó sinh trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam.

- Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân nước ngoài, thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con.

- Trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, thì có quốc tịch Việt Nam.

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai, thì có quốc tịch Việt Nam.

- Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi và trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai, thì có quốc tịch Việt Nam.

Trong trường hợp trẻ em đó chưa đủ 15 tuổi, mà tìm thấy cha hoặc mẹ có quốc tịch nước ngoài, người giám hộ có quốc tịch nước ngoài, thì trẻ em đó không còn quốc tịch Việt Nam, tức là trẻ em đó sẽ có quốc tịch nước ngoài theo của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu. Để tôn trọng nguyện vọng, ý chí, tình cảm và sự lựa chọn của trẻ em khi đã đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì nhất thiết phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đó khi thay đổi quốc tịch.

Việc quy định chặt chẽ như vậy nhằm thực hiện nguyên tắc một quốc tịch được ghi nhận ở Điều 4 Luật quốc tịch năm 2008. Đồng thời cũng thể hiện nguyên tắc tôn trọng ý chí, nguyện vọng tự do thoả thuận chọn quốc tịch Việt Nam cho con của cha mẹ trẻ em là những người có quốc tịch khác nhau, tránh những xung đột không cần thiết của các hệ thống luật quốc gia về quốc tịch khi xác định quốc tịch cho trẻ em mới sinh ra. Trong trường hợp này quốc tịch của trẻ em sinh ra được pháp luật xác định dựa vào cơ sở kết hợp các nguyên tắc "quyền huyết thống Việt Nam", nguyên tắc "quyền nơi sinh Việt Nam" và nguyên

tắc "tự do thoả thuận chọn quốc tịch Việt Nam cho con của cha mẹ trẻ em".

**Câu hỏi 21: *Quyền được khai sinh của trẻ em được xác định như thế nào?***

**Trả lời:**

Một trong những quyền quan trọng đầu tiên của trẻ em là quyền được khai sinh bởi vì quyền được khai sinh là cơ sở điều kiện để thực hiện các quyền cơ bản khác của trẻ em như quyền có họ, tên, có quốc tịch, có bản sắc riêng, quyền được biết cha mẹ mình là ai, v.v.. Có thể nói quyền được khai sinh là quyền đầu tiên để khẳng định mỗi trẻ em là một cá nhân riêng biệt, một chủ thể độc lập, một công dân bình đẳng với mọi công dân khác. Chính vì vậy, Điều 7 Công ước về quyền trẻ em đã khẳng định rằng: "Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi sinh ra và có quyền ngay từ khi ra đời, có họ tên, có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc".

Phù hợp với quy định của Công ước, tại Điều 29 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *Cá nhân khi sinh ra có quyền được khai sinh*. Theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch thì: Việc đăng ký khai sinh của trẻ em được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người mẹ; nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ, thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của

người cha thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú của người mẹ và người cha, thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi trẻ em đang sinh sống trên thực tế thực hiện việc đăng ký khai sinh. Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc nơi có trụ sở của tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em đó.

**Câu hỏi 22: Việc khai sinh của trẻ em được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì việc khai sinh của trẻ em được quy định cụ thể như sau:

1. Người đi đăng ký khai sinh phải nộp Giấy chứng sinh (theo mẫu quy định) và xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn).

Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

Trong trường hợp cán bộ Tư pháp - Hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha mẹ trẻ em, thì không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn.

2. Sau khi kiểm tra các giấy tờ hợp lệ, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người đi khai sinh một bản chính Giấy khai sinh. Bản sao Giấy khai sinh được cấp theo yêu cầu của người đi khai sinh.

3. Trong trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không xác định được người cha, thì phần ghi về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh có người nhận con, thì Ủy ban nhân dân cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh.

Đối với trẻ em bị bỏ rơi thì người phát hiện trẻ sơ sinh bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn, nơi trẻ bị bỏ rơi để lập biên bản và tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ em đó. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; giới tính; đặc điểm nhận dạng; tài sản và các đồ vật khác của trẻ (nếu có); họ, tên, địa chỉ của người phát hiện. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản, một bản giao cho người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ.

Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản có trách nhiệm thông báo trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình địa phương để tìm cha, mẹ đẻ của trẻ. Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình có trách

nhiệm thông báo miễn phí ba lần trong ba ngày liên tiếp các thông tin về trẻ sơ sinh bị bỏ rơi. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo cuối cùng, nếu không tìm thấy cha, mẹ đẻ, thì người hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh.

Khi đăng ký khai sinh cho trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, họ, tên của trẻ được ghi theo đề nghị của người đi khai sinh; nếu không có cơ sở để xác định ngày sinh và nơi sinh, thì ngày phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày sinh; nơi sinh là địa phương nơi lập biên bản; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam. Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh được để trống. Trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “trẻ bị bỏ rơi”. Trong trường hợp có người nhận trẻ làm con nuôi, thì cán bộ Tư pháp - Hộ tịch căn cứ vào Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi để ghi tên cha, mẹ nuôi vào phần ghi về cha, mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của con nuôi; trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha, mẹ nuôi”; nội dung ghi chú này phải được giữ bí mật, chỉ những người có thẩm quyền mới được tìm hiểu.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi không phải là trẻ sơ sinh, thì việc lập biên bản và thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ em cũng được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP. Khi đăng ký khai sinh, những nội dung liên quan đến khai sinh được ghi

theo lời khai của trẻ; nếu trẻ không nhớ được, thì căn cứ vào thể trạng của trẻ để xác định năm sinh, ngày sinh là ngày 01 tháng 01 của năm đó; họ, tên của trẻ được ghi theo đề nghị của người đi khai sinh; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam; những nội dung không xác định được thì để trống. Trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ "trẻ bị bỏ rơi".

## **Mục 2**

### **QUYỀN SỐNG CHUNG VỚI CHA MẸ VÀ ĐƯỢC CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG**

**Câu hỏi 23: *Quyền sống chung với cha mẹ của trẻ em được quy định như thế nào?***

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 13 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ. Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ, trừ trường hợp vì lợi ích của trẻ em.

Các trường hợp trẻ em buộc phải cách ly cha mẹ được pháp luật quy định bao gồm:

- Cha và mẹ đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù;
- Cha mẹ bị Toà án quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyết định không cho cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;



- Trẻ em bị quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục v.v..

**Câu hỏi 24: *Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được bảo đảm như thế nào?***

**Trả lời:**

Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 đã khẳng định: “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức”. Điều này cũng đã được quy định tại Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Theo đó, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; không được xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Quy định cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con được hiểu như sau:

- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc

con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;

- Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hoà thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội trong việc giáo dục con;

- Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động xã hội của con;

- Khi gặp khó khăn không thể tự giải quyết được, cha mẹ có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện việc giáo dục con;

- Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự;

- Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra.

Đối với hành vi trốn tránh nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con, lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên hoặc xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng (Điều 10 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21-11-2001 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình).

**Câu hỏi 25: Trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo vệ quyền trẻ em được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật thì cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, nuôi dưỡng giáo dục con, chăm lo việc học tập và sự phát triển lành mạnh của con về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con. Cụ thể, theo quy định tại các điều 34, 36 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì:

- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

- Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; không được xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập.

- Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội trong việc giáo dục con.

- Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động xã hội của con v.v..

**Câu hỏi 26: *Khi phải sống cách ly cha mẹ thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được bảo đảm như thế nào?***

**Trả lời:**

Trong trường hợp, cha và mẹ đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù thì trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức chính trị - xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế, trừ trẻ em dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

Trong trường hợp bị Tòa án quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì trong thời gian thi hành quyết định của Tòa án, trẻ em được giúp đỡ, bảo vệ lợi ích; trường hợp Tòa án quyết định không cho cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trẻ em phải sống cách ly cha mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

Trong các trường hợp này, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế cho trẻ em phải sống cách ly cha mẹ theo các hình thức giao cho người thân thích của trẻ em, giao cho gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em tại địa phương để chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

Cơ quan có chức năng bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp có trách nhiệm xác minh điều kiện, hoàn cảnh sống, khả năng kinh tế của người thân thích, gia đình thay thế, cơ sở trợ giúp trẻ em để đề xuất người chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế đối với trẻ em phải sống cách ly cha mẹ; liên hệ và thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế; thường xuyên kiểm tra điều kiện sống của trẻ em phải sống cách ly cha mẹ sau khi giao cho người chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

Trong thời gian trẻ em ở trường giáo dưỡng hoặc cơ sở cai nghiện, cha mẹ, người giám hộ của trẻ em này có trách nhiệm thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ; trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện phải tạo điều kiện để trẻ em giữ mối liên hệ với gia đình, gia đình thay thế; Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội cấp xã, nơi có trẻ em vào trường giáo dưỡng hoặc cơ sở cai nghiện, có biện pháp cụ thể để giúp đỡ trẻ em tiến bộ và tái hoà nhập gia đình, cộng đồng khi trở về.

### Mục 3

## QUYỀN ĐƯỢC TÔN TRỌNG, BẢO VỆ TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM VÀ DANH DỰ

**Câu hỏi 27:** *Pháp luật hình sự quy định những tội danh nào khi tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự của trẻ em bị xâm hại?*

### Trả lời:

Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã quy định trực tiếp một số tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của trẻ em, cụ thể như sau:

Điều 93. Tội giết người (điểm c khoản 1 Điều 93);

Điều 94. Tội giết con mới đẻ;

Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác (điểm d khoản 1 Điều 104);

Điều 110. Tội hành hạ người khác (điểm a khoản 2 Điều 110);

Điều 112. Tội hiếp dâm trẻ em;

Điều 114. Tội cưỡng dâm trẻ em;

Điều 115. Tội giao cấu với trẻ em;

Điều 116. Tội dâm ô với trẻ em;

Điều 120. Tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em;

Điều 134. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (điểm đ khoản 2 Điều 134);

Điều 148. Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn;

Điều 151. Tội ngược đãi nghiêm trọng hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình;

Điều 152. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng;

Điều 194. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (điểm e khoản 2 Điều 194);

Điều 197. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (điểm c khoản 2 Điều 197);

Điều 198. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (điểm c khoản 2 Điều 198);

Điều 200. Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (điểm d khoản 2 Điều 200);

Điều 228. Tội vi phạm các quy định về sử dụng lao động trẻ em;

Điều 252. Tội dụ dỗ hoặc chứa chấp người chưa thành niên phạm pháp;

Điều 253. Tội truyền bá văn hoá đồi trụy;

Điều 254. Tội chứa mại dâm (điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 254);

Điều 255. Tội môi giới mại dâm (điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 255);

Điều 256. Tội mua dâm người chưa thành niên.

Các tội phạm này đa số đều được xác định là các tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Đây là các tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức

cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Những người từ đủ 16 tuổi trở lên khi có hành vi phạm tội kể trên thì phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp người đó có hành vi phạm tội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

**Câu hỏi 28:** *Đối với các hành vi xâm phạm quyền của trẻ em mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Đối với hành vi nêu trên thông thường pháp luật quy định về việc áp dụng xử lý về hành chính, có thể nêu ra một số nội dung đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

- Theo quy định của **Nghị định số 150/2005/NĐ-CP** ngày 12-12-2005 của Chính phủ quy định về *xử phạt vi phạm hành chính*



*trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội* (thay thế Nghị định số 49/CP năm 1996) tại Điều 26 về hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia đã nêu rõ:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi say rượu, bia ở công sở, nơi làm việc, trong các khách sạn, nhà hàng, quán ăn, trên các phương tiện giao thông và những nơi công cộng.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xúi giục, cưỡng ép, tạo điều kiện cho trẻ em dưới 16 tuổi uống rượu, bia;

b) Chủ khách sạn, nhà hàng, quán ăn bán các loại rượu, nước uống hoặc các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên cho người chưa thành niên; bán rượu, bia cho trẻ em dưới 16 tuổi;

c) Bán rượu, bia, các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên tại các trường phổ thông;

d) Uống rượu, bia trong các trường phổ thông.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây: vi phạm điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

- Theo quy định tại **Nghị định số 115/2004/NĐ-CP** ngày 16-4-2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động đã ghi rõ tại Điều 15 về vi phạm những quy định về lao động đặc thù là:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong những hành vi sau đây:

...

c) Sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm thêm giờ; làm việc ban đêm; đi công tác xa quy định tại khoản 1 Điều 115 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) và không chuyển làm công việc nhẹ hơn hoặc giảm bớt một giờ đối với lao động nữ làm công việc nặng nhọc quy định tại khoản 2 Điều 115 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

d) Không cho lao động nữ nghỉ 30 phút mỗi ngày trong thời gian hành kinh hoặc nghỉ 60 phút mỗi ngày trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi quy định tại khoản 3 Điều 115 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

...

g) Không lập sổ theo dõi; kiểm tra sức khỏe định kỳ; lạm dụng sức lao động của người lao động chưa thành niên quy định tại Điều 119 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

h) Sử dụng lao động chưa thành niên và người tàn tật làm việc quá bảy giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần quy định tại khoản 1 Điều 122 và khoản 4

Điều 125 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

...

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong những hành vi sau đây:

a) Sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn; có thai; nghỉ thai sản; nuôi con dưới 12 tháng tuổi quy định tại khoản 3 Điều 111 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

b) Sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại hoặc chỗ làm việc; công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của người lao động chưa thành niên theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành được quy định tại Điều 121 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

...

- Theo quy định tại **Nghị định số 56/2006/NĐ-CP** ngày 06-6-2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin đã ghi rõ tại Điều 27 về vi phạm các quy định về chiếu phim:

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

...

b) Cho trẻ em dưới 16 tuổi vào rạp chiếu phim để xem loại phim cấm trẻ em dưới 16 tuổi.

...

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chiếu phim có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi công cộng.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chiếu phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành hoặc tiêu huỷ tại nơi công cộng;

b) Chiếu phim có nội dung đồi trụy tại nơi công cộng.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 27 Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06-6-2006 của Chính phủ về vi phạm các quy định về điều kiện tổ chức hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng đã nêu rõ:

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

b) Cho người dưới 18 tuổi vào khiêu vũ tại nơi kinh doanh hoạt động vũ trường.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử ở địa điểm cách

trường học dưới 200m hoặc quá 11 giờ đêm đến 6 giờ sáng.

b) Không đảm bảo đủ ánh sáng theo quy định tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke;

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

d) Tổ chức hoạt động biểu diễn nghệ thuật, hoạt động vũ trường, chiếu phim, hoạt động karaoke gây ồn quá mức quy định;

đ) Sử dụng người dưới 18 tuổi làm việc tại vũ trường, nhà hàng karaoke.

Theo quy định tại Điều 10 **Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23-7-2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp**, đối với hành vi vi phạm quy định *về đăng ký khai sinh* sẽ bị xử phạt như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em không thực hiện việc đăng ký trong thời hạn do pháp luật quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố tình làm chứng sai sự thật trong đăng ký khai sinh; người đi khai sinh cam đoan không đúng sự thật về việc sinh;

b) Tự ý sửa chữa, tẩy xóa hoặc có hành vi khác

làm sai lệch nội dung giấy tờ để làm thủ tục đăng ký khai sinh.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm giả hoặc sử dụng giấy tờ giả mạo để làm thủ tục đăng ký khai sinh;

b) Thực hiện hành vi gian dối khác để được đăng ký khai sinh nhằm mục đích trục lợi;

c) Làm giả hoặc mượn giấy khai sinh của người khác để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu giấy tờ đã bị sửa chữa, tẩy xóa, bị làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ giả mạo đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ Giấy khai sinh đã cấp và buộc đăng ký khai sinh theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này.

Theo **Điều 14 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23-7-2009** của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp quy định việc xử phạt hành chính khi *vi phạm quy định về đăng ký giám hộ; đăng ký việc nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc, giới tính; bổ sung hộ tịch; điều chỉnh hộ tịch; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân* như sau:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố tình làm chứng sai sự thật;

b) Tự ý sửa chữa, tẩy xóa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung giấy tờ để làm thủ tục theo quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi làm giả hoặc sử dụng giấy tờ giả mạo hoặc thực hiện hành vi gian dối khác để làm thủ tục theo quy định nhằm mục đích trục lợi.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu giấy tờ đã bị sửa chữa, tẩy xóa, bị làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ giả mạo đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này.

*Về hành vi vi phạm hành chính và hình thức xử phạt trong hoạt động cho, nhận, nuôi con nuôi, tại Điều 40 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23-7-2009 của Chính phủ về hành vi vi phạm quy định về nuôi con nuôi của cá nhân bị xử lý như sau:*

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi cho hoặc nhận con nuôi mà không làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện việc cho, nhận con nuôi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có văn bản không chấp nhận việc cho hoặc nhận con nuôi;

b) Tự ý sửa chữa, tẩy xóa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung giấy tờ để làm thủ tục đăng ký cho, nhận con nuôi.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai báo gian dối để đăng ký việc cho, nhận con nuôi;

b) Làm giả hoặc sử dụng các giấy tờ giả mạo để làm thủ tục đăng ký cho, nhận con nuôi.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dụ dỗ, mua chuộc, ép buộc, đe dọa để có được sự đồng ý của người có quyền đồng ý cho trẻ em làm con nuôi;

b) Lợi dụng việc cho, nhận hoặc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nhằm mục đích vụ lợi;

c) Làm dịch vụ môi giới cho hoặc nhận con nuôi trái pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy tờ đã bị sửa chữa, tẩy xóa, bị làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ giả mạo đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu số lợi bất hợp pháp thu được đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Hủy bỏ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định nuôi con nuôi đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3, điểm a, b khoản 4 Điều này;



b) Buộc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này.

**Điều 41 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23-7-2009 của Chính phủ về hành vi vi phạm quy định về nuôi con nuôi của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam** bị xử lý như sau:

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với các Văn phòng con nuôi nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo; không lập, quản lý, sử dụng các loại sổ sách, biểu mẫu theo quy định;

b) Tự ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập;

c) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn quy định về việc chấm dứt hợp đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các Văn phòng con nuôi nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thay đổi trụ sở, người đứng đầu của Văn phòng nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam mà chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không tuân thủ đầy đủ các quy định về thủ tục cho hoặc nhận con nuôi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với Văn phòng con nuôi nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Làm giả hoặc sử dụng các giấy tờ giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập;

b) Làm giả Giấy phép hoạt động hoặc sử dụng Giấy phép hoạt động giả;

c) Hoạt động không đúng phạm vi, nội dung và địa bàn hoạt động ghi trong Giấy phép;

d) Trực tiếp giới thiệu trẻ em làm con nuôi trái pháp luật;

đ) Cho cá nhân, tổ chức khác sử dụng Giấy phép thành lập của mình.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện hoạt động khi Giấy phép đã hết hạn hoặc chưa được cấp Giấy phép đã hoạt động;

b) Không đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Việt Nam theo quy định của pháp luật mà hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động xin nhận con nuôi nhằm bóc lột sức lao động đối với trẻ em hoặc vì mục đích trục lợi khác.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy tờ đã bị sửa chữa, tẩy xóa, bị làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ giả mạo đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép thành lập từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm c, d, đ khoản 3 Điều này. Tước quyền sử dụng Giấy phép thành lập không

thời hạn đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Tịch thu số lợi bất hợp pháp thu được đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm a, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này.

## **Mục 4**

### **CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRẺ EM**

**Câu hỏi 29: *Quyền được chăm sóc sức khoẻ của trẻ em được xác định như thế nào?***

**Trả lời:**

Tại Điều 15 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định “1. Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ.

2. Trẻ em dưới sáu tuổi được chăm sóc sức khoẻ ban đầu, được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền ở các cơ sở y tế công lập” và tại khoản 4 Điều 27 quy định: “Nhà nước có chính sách phát triển sự nghiệp y tế, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; có chính sách miễn giảm phí khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho trẻ em; bảo đảm kinh phí khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới sáu tuổi. Trong cân đối kế hoạch ngân sách hàng năm của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chính phủ dành một khoản ngân

*sách để bảo đảm cho việc khám chữa bệnh không phải trả tiền cho trẻ em dưới sáu tuổi ở các cơ sở y tế công lập Trung ương và địa phương”.*

Như vậy, theo quy định của Luật: Trẻ em dưới sáu tuổi được chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập. Trẻ em từ 6 đến dưới 16 tuổi được hưởng chính sách giảm phí khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng. Theo đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách của địa phương để thực hiện khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới sáu tuổi tại địa phương mình. Trước mắt, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, và các cơ quan có liên quan căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để xây dựng phương án thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thanh toán kịp thời chi phí khám chữa bệnh cho các cơ sở y tế, tạo điều kiện để các cơ sở y tế có kinh phí thực hiện và cần phải quy định rõ các điều kiện để trẻ em được khám chữa bệnh một cách thuận lợi.

Theo quy định tại Mục I Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 02-5-2008 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế như sau:

1. Cơ sở y tế công lập thực hiện chính sách khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi gồm

các cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương.

2. Đối tượng được khám, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập quy định tại Thông tư này là trẻ em dưới sáu tuổi (trẻ em chưa đủ bảy mươi hai tháng tuổi).

3. Kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được bố trí từ ngân sách Trung ương đối với các cơ sở y tế công lập thuộc các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương; từ ngân sách địa phương đối với các cơ sở y tế công lập địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước hiện hành và quy định tại Thông tư này.

5. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, các cơ sở y tế công lập được vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước ủng hộ kinh phí chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi mắc bệnh hiểm nghèo. Nguồn kinh phí này được quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành.

Mục II Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 02-5-2008 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế quy định về "***Trách nhiệm của cơ sở y tế công lập***":

a) Tổ chức công tác đón tiếp; hướng dẫn khám, chữa bệnh một cách thuận lợi, tạo điều kiện và

bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho trẻ em đi khám, chữa bệnh.

b) Trường hợp cấp cứu, các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm tiếp nhận và cứu chữa kịp thời (miễn phí) cho trẻ em. Tùy theo tình trạng bệnh lý của trẻ em, trường hợp phải giữ lại điều trị nội trú thì cơ sở y tế làm thủ tục để trẻ em vào điều trị nội trú; trường hợp xét thấy không cần điều trị nội trú hoặc thuộc chuyên môn của tuyến dưới thì làm thủ tục để gia đình cho trẻ em về điều trị ngoại trú hoặc chuyển về tuyến dưới điều trị.

c) Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, cơ sở y tế tuyến dưới phải kịp thời làm các thủ tục chuyển viện theo quy định để chuyển trẻ em lên tuyến trên điều trị, không được trì hoãn.

d) Kiểm tra thẻ khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp không có thẻ thì kiểm tra giấy chứng sinh hoặc giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ trường hợp trẻ sơ sinh), hồ sơ chuyển viện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 mục II Thông tư này (đối với những trường hợp chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật) ngay khi trẻ em đến khám, chữa bệnh.

Trường hợp đặc biệt, trẻ em dưới sáu tuổi phải cấp cứu xa nơi cư trú, đi lại khó khăn và gia đình trẻ em không mang theo một trong các loại giấy tờ nêu trên: Giám đốc cơ sở y tế căn cứ vào tình hình thực tế để xem xét quyết định trẻ em được khám, chữa bệnh không phải trả tiền và được quyết toán vào nguồn kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được giao.

đ) Chỉ định dùng thuốc, cấp phát thuốc, sử dụng vật tư y tế, làm các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, phục hồi chức năng và các dịch vụ kỹ thuật cần thiết theo đúng tình trạng bệnh lý, bảo đảm an toàn và hợp lý theo đúng quy định chuyên môn. Giám đốc cơ sở y tế công lập chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các sai phạm về chuyên môn, gây lãng phí, thất thoát kinh phí.

e) Bảo đảm cung ứng đủ thuốc trong danh mục, máu, dịch truyền, hoá chất xét nghiệm, phim X quang, thuốc cản quang, vật tư y tế theo quy định của Bộ Y tế trong quá trình khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

g) Các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm công khai các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu để người dân biết, lựa chọn.

h) Theo dõi và tổng hợp các hoạt động khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi và báo cáo với cơ quan chủ quản theo định kỳ hàng quý vào ngày 15 của tháng đầu quý sau.

**Câu hỏi 30: Việc cấp và quản lý Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư số 29/2008/TT-BLĐTBXH ngày 28-11-2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc

cấp, quản lý và sử dụng Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập thì:

1. Đối tượng trẻ em được Nhà nước cấp Thẻ khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập (sau đây gọi tắt là Thẻ khám chữa bệnh) là trẻ em dưới sáu tuổi (chưa đủ bảy mươi hai tháng tuổi tính đến ngày cấp Thẻ khám chữa bệnh), là công dân Việt Nam hiện cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thẻ khám chữa bệnh được sử dụng khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập. Thẻ có giá trị sử dụng kể từ ngày cấp thẻ cho đến ngày trẻ đủ bảy mươi hai tháng tuổi.

3. Trẻ em thường trú tại địa phương nào thì được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đó (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) cấp Thẻ khám chữa bệnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc cấp (lần đầu), cấp lại, đổi Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi đúng đối tượng và báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Cha, mẹ, người giám hộ có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản Thẻ khám chữa bệnh; không để mất, không tẩy xóa, viết lên mặt thẻ; chỉ sử dụng Thẻ để khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi tại các cơ sở y tế công lập.

6. Đối với trẻ em dưới sáu tuổi đang được hưởng chính sách khám chữa bệnh không phải



trả tiền theo các quy định khác, được cấp và sử dụng Thẻ khám chữa bệnh theo quy định tại Thông tư này.

7. Nghiêm cấm việc mượn, cho mượn, làm Thẻ giả, sử dụng Thẻ giả để khám chữa bệnh; người nào mượn Thẻ, làm Thẻ giả, sử dụng Thẻ giả hoặc lợi dụng việc khám chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi để trục lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 31: Thủ tục cấp, cấp lại Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục II Thông tư số 29/2008/TT-BLĐTBXH ngày 28-11-2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập thì thủ tục cấp, cấp lại Thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập được quy định cụ thể như sau:

1. Thủ tục cấp Thẻ khám chữa bệnh:

a) Cha, mẹ, người giám hộ xuất trình giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú để

làm căn cứ cấp Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

b) Trường hợp trẻ em chưa có giấy khai sinh thì cha, mẹ, người giám hộ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em cùng với việc cấp Thẻ khám chữa bệnh. Đối với những khu vực vùng sâu, vùng xa điều kiện đi lại khó khăn thì cán bộ Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm phối hợp với cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã làm thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ và cấp Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

c) Trường hợp trẻ em chưa có Thẻ khám chữa bệnh, nhưng cần đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập thì cần phải xuất trình giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã làm căn cứ cho các cơ sở y tế công lập không thu tiền khám chữa bệnh của trẻ em.

d) Trường hợp trẻ em chưa có Thẻ khám chữa bệnh, chưa có giấy khai sinh, không có giấy chứng sinh, nhưng cần đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của trẻ em hiện đang thường trú tại địa bàn xã làm căn cứ cho các cơ sở y tế công lập không thu tiền khám chữa bệnh của trẻ em.

e) Đối với trẻ em dưới sáu tuổi không đăng ký thường trú tại xã/phường/thị trấn nhưng đang

sinh sống trên địa bàn xóm/phường/thị trấn thì ngoài giấy khai sinh phải có giấy xác nhận của thôn/xóm hoặc Ban quản lý khu dân cư hiện đang thường trú ở thôn/xóm hoặc khu dân cư để làm căn cứ cấp Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em.

f) Đối với trẻ em đang phải điều trị bệnh tại bệnh viện mà đến thời gian hết hạn sử dụng Thẻ thì trẻ vẫn được tiếp tục hưởng chế độ khám chữa bệnh không phải trả tiền cho đến hết đợt điều trị đó.

## 2. Cấp lại, đổi Thẻ khám chữa bệnh

a) Trường hợp bị mất Thẻ khám chữa bệnh thì cha, mẹ, người giám hộ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại Thẻ khám chữa bệnh, nêu lý do bị mất, nơi cấp và chịu trách nhiệm về việc khai báo của mình.

b) Trường hợp Thẻ khám chữa bệnh bị rách nát; thông tin ghi trên Thẻ không đọc được; thông tin hiện tại đã thay đổi so với thông tin ghi trên Thẻ thì cha, mẹ, người giám hộ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú đổi Thẻ khám chữa bệnh kèm theo các thông tin hiện tại và Thẻ cũ.

c) Trường hợp trẻ em thay đổi nơi thường trú thì cha, mẹ, người giám hộ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến đổi Thẻ khám chữa bệnh, có ghi rõ địa chỉ nơi đi và kèm theo Thẻ cũ.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận đề nghị của công dân và giải quyết từng trường hợp cụ thể, lập danh sách trẻ em được cấp

lại, đổi Thẻ khám chữa bệnh và gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, xác định số Thẻ đúng với số Thẻ đã được cấp lần đầu, điền đầy đủ thông tin vào Thẻ khám chữa bệnh và chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp xã ký tên, đóng dấu để tiến hành cấp lại, đổi Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em.

e) Thời hạn cấp lại, đổi Thẻ khám chữa bệnh chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được đề nghị.

**Câu hỏi 32: Việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 05-02-2008 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện khám, chữa bệnh; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập thì các cơ sở y tế công lập thuộc Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh và quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền cho trẻ em dưới sáu tuổi theo quy định của Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT.

Việc khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được quy định cụ thể như sau:

## 1. Quy định về tuyến điều trị:

Tuyến điều trị khám, chữa bệnh không phải trả tiền cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập thực hiện theo quy định cụ thể sau:

a) Các cơ sở y tế công lập gồm: Trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; bệnh viện đa khoa quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; bệnh viện đa khoa khu vực thuộc cấp tỉnh và các cơ sở y tế tuyến đầu thuộc các Bộ, ngành quản lý là nơi khám, chữa bệnh ban đầu, có nhiệm vụ thực hiện khám, chữa bệnh ban đầu cho trẻ em dưới sáu tuổi tại địa bàn nơi trẻ em cư trú.

b) Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, các cơ sở y tế công lập làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh ban đầu có trách nhiệm chuyển trẻ em lên các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, hoặc chuyển đến các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài tỉnh để khám và điều trị cho phù hợp.

c) Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn của các cơ sở y tế tuyến tỉnh thì chuyển lên các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến Trung ương trực thuộc Bộ Y tế, các Bộ, ngành ở Trung ương.

d) Căn cứ vào tổ chức của hệ thống y tế ở địa phương, Giám đốc Sở Y tế quyết định các cơ sở y tế tuyến tỉnh được khám, chữa bệnh ban đầu cho trẻ em mà không cần giấy giới thiệu chuyển viện.

## 2. Thủ tục khám, chữa bệnh:

a) Trẻ em dưới sáu tuổi khi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập phải xuất trình Thẻ

khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp chưa được cấp Thẻ thì phải xuất trình giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người giám hộ trẻ em cư trú (sau đây gọi chung là Thẻ khám bệnh, chữa bệnh).

b) Tại các cơ sở y tế nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 mục II Thông tư này: ngoài xuất trình Thẻ khám bệnh, chữa bệnh của trẻ em, gia đình trẻ em phải xuất trình thủ tục chuyển viện, gồm giấy giới thiệu chuyển viện và tóm tắt bệnh án của cơ sở khám, chữa bệnh ban đầu (trừ các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 mục II Thông tư này).

c) Trong trường hợp cấp cứu, trẻ em được khám và điều trị không phải trả tiền tại bất kỳ cơ sở y tế công lập. Gia đình trẻ em có trách nhiệm xuất trình Thẻ khám bệnh, chữa bệnh của trẻ em trước khi trẻ em xuất viện.

**Câu hỏi 33: *Trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ và của cơ sở khám chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm 3 mục II Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 05-02-2008 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện khám, chữa bệnh; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập thì:

Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm thực

hiện đúng quy định về khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em được quy định tại Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT.

Về trách nhiệm của cơ sở y tế công lập: Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT quy định như sau:

a) Tổ chức công tác đón tiếp; hướng dẫn khám, chữa bệnh một cách thuận lợi, tạo điều kiện và bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho trẻ em đi khám, chữa bệnh.

b) Trường hợp cấp cứu, các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm tiếp nhận và cứu chữa kịp thời (miễn phí) cho trẻ em. Tùy theo tình trạng bệnh lý của trẻ em, trường hợp phải giữ lại điều trị nội trú thì cơ sở y tế làm thủ tục để trẻ em vào điều trị nội trú; trường hợp xét thấy không cần điều trị nội trú hoặc thuộc chuyên môn của tuyến dưới thì làm thủ tục để gia đình cho trẻ em về điều trị ngoại trú hoặc chuyển về tuyến dưới điều trị.

c) Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, cơ sở y tế tuyến dưới phải kịp thời làm các thủ tục chuyển viện theo quy định để chuyển trẻ em lên tuyến trên điều trị, không được trì hoãn.

d) Kiểm tra Thẻ khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp không có Thẻ thì kiểm tra giấy chứng sinh hoặc giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ trường hợp trẻ sơ sinh), hồ sơ chuyển viện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 mục II Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT (đối với những trường

hợp chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật) ngay khi trẻ em đến khám, chữa bệnh (Xem thêm Câu hỏi - Trả lời 32).

Trường hợp đặc biệt, trẻ em dưới sáu tuổi phải cấp cứu xa nơi cư trú, đi lại khó khăn và gia đình trẻ em không mang theo một trong các loại giấy tờ nêu trên: Giám đốc cơ sở y tế căn cứ vào tình hình thực tế để xem xét quyết định trẻ em được khám, chữa bệnh không phải trả tiền và được quyết toán vào nguồn kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được giao.

d) Chỉ định dùng thuốc, cấp phát thuốc, sử dụng vật tư y tế, làm các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, phục hồi chức năng và các dịch vụ kỹ thuật cần thiết theo đúng tình trạng bệnh lý, bảo đảm an toàn và hợp lý theo đúng quy định chuyên môn. Giám đốc cơ sở y tế công lập chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các sai phạm về chuyên môn, gây lãng phí, thất thoát kinh phí.

e) Bảo đảm cung ứng đủ thuốc trong danh mục, máu, dịch truyền, hoá chất xét nghiệm, phim X quang, thuốc cản quang, vật tư y tế theo quy định của Bộ Y tế trong quá trình khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

g) Các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm công khai các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu để người dân biết, lựa chọn.

h) Theo dõi và tổng hợp các hoạt động khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi và báo cáo với



cơ quan chủ quản theo định kỳ hàng quý vào ngày 15 của tháng đầu quý sau.

**Câu hỏi 34: Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở y tế công lập được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục IV Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 05 tháng 02 năm 2008 thì việc sử dụng và quyết toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi tại các cơ sở chữa bệnh công lập được quy định như sau:

1. Quản lý và sử dụng kinh phí:

a) Các cơ sở y tế công lập được giao quản lý kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

b) Kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi phân bổ, giao cho cơ sở y tế công lập nào thì cơ sở y tế công lập đó trực tiếp quản lý và sử dụng để thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới sáu tuổi tại đơn vị, kể cả trường hợp trẻ em dưới sáu tuổi do các cơ sở y tế công lập khác chuyển đến theo quy định về chuyển tuyến điều trị của Bộ Y tế.

Kết thúc năm ngân sách, nguồn kinh phí này không sử dụng hết được chuyển sang năm sau để

tiếp tục sử dụng để khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi năm sau; không sử dụng nguồn kinh phí này vào mục đích khác.

c) Đối với các cơ sở y tế công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính: kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được thực thanh, thực chi theo chế độ viện phí hiện hành của Nhà nước, được tổng hợp vào nguồn chi thường xuyên và được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-4-2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

*Ví dụ:* Năm 2007, cơ sở y tế A được giao dự toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi 100 triệu đồng. Trong năm, đơn vị đã thực chi cho khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi 80 triệu đồng: đơn vị được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn Nghị định đối với số tiền 80 triệu đồng; số dư 20 triệu đồng được chuyển sang năm sau sử dụng để khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi năm sau.

## 2. Thanh toán kinh phí:

### a) Nội dung thanh toán và mức thanh toán:

- Chi phí về thuốc, máu, dịch truyền, vật tư tiêu hao đã xuất sử dụng để điều trị cho trẻ em dưới sáu tuổi: thanh toán theo giá mua vào của cơ sở y tế.

- Chi phí về khám bệnh, ngày giường điều trị, các dịch vụ kỹ thuật: thanh toán theo giá thu viện phí hiện hành của cấp có thẩm quyền quyết định đối với các cơ sở y tế công lập.

- Chi phí vận chuyển người bệnh là trẻ em trong trường hợp cấp cứu hoặc đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến điều trị từ bệnh viện cấp huyện trở lên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế:

+ Trường hợp vận chuyển bằng phương tiện của cơ sở y tế công lập: thanh toán tiền xăng dầu theo số km thực tế sử dụng (cho cả lượt đi và về) và định mức xăng dầu hiện hành của Nhà nước cho từng loại xe, không phụ thuộc vào số lượng người bệnh trên phương tiện vận chuyển.

+ Trường hợp người nhà của trẻ em không sử dụng phương tiện của cơ sở y tế công lập: cơ sở y tế công lập nơi giới thiệu trẻ em chuyển tuyến thanh toán cho người nhà của trẻ em với định mức 30.000 đồng/100 km (cho một lượt đi).

- Chi mua sắm một số dụng cụ y tế thiết yếu (không phải là tài sản cố định) phục vụ trực tiếp cho công tác khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi: thanh toán theo giá mua vào của cơ sở y tế.

- Chi hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em dưới sáu tuổi đang được điều trị tại các cơ sở y tế công lập thuộc các đối tượng cơ nhỡ, trẻ em thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Nhà nước quy định: mức tối đa 30.000 đồng/ngày/trẻ em, thời gian hỗ trợ

không quá 30 ngày. Cơ sở y tế công lập có thể hỗ trợ bằng hiện vật hoặc hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho người nhà của trẻ em, tùy theo điều kiện thực tế của cơ sở y tế công lập và hoàn cảnh cụ thể của từng trẻ em.

b) Đối với các cơ sở y tế công lập có tổ chức khám, chữa bệnh dịch vụ theo yêu cầu mà gia đình trẻ em dưới sáu tuổi có nhu cầu sử dụng, cơ sở y tế được thu của gia đình trẻ em khoản chênh lệch giữa chi phí dịch vụ theo yêu cầu và mức thanh toán viện phí hiện hành do cấp có thẩm quyền quy định.

c) Đối với trường hợp trẻ em dưới sáu tuổi đã được điều trị và sử dụng các loại thuốc, máu, dịch truyền, vật tư, hóa chất,... của các chương trình, dự án được duyệt miễn phí thì các cơ sở y tế công lập không được thanh toán khoản chi phí này vào kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được giao.

d) Đối với trường hợp trẻ em dưới sáu tuổi của địa phương được chuyển đi khám, chữa bệnh ở các cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh (trừ các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương), việc thanh toán kinh phí thực hiện theo các hình thức sau:

- Sở Y tế (hoặc ủy quyền cho bệnh viện đa khoa cấp tỉnh) ký hợp đồng với các cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh để thực hiện khám, chữa bệnh đối với trẻ em dưới sáu tuổi của địa phương mình khi

chuyển tuyến; định kỳ, chuyển kinh phí cho các cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh để thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo chế độ quy định.

- Gia đình trẻ em tự thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho cơ sở y tế công lập nơi điều trị theo mức viện phí hiện hành và lấy chứng từ về địa phương để thanh toán. Cơ sở y tế công lập của địa phương nơi chuyển bệnh nhân là trẻ em đi, căn cứ phiếu thu viện phí và hồ sơ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh do gia đình trẻ em chuyển đến có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí mà gia đình trẻ em đã chi trả theo mức viện phí hiện hành.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và hoàn cảnh cụ thể của từng trẻ em dưới sáu tuổi, Sở Y tế có trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở y tế công lập tại địa phương xem xét vận dụng hình thức thanh toán nêu trên cho phù hợp, bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho trẻ em dưới sáu tuổi khi đi khám, chữa bệnh.

### 3. Hạch toán kế toán và quyết toán:

a) Các đơn vị sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi thực hiện hạch toán kế toán và quyết toán theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. Các chứng từ liên quan đến việc thanh toán, quyết toán kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được lưu riêng để phục vụ cho công tác tổng hợp, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện

công tác khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được thuận lợi.

b) Hồ sơ thanh, quyết toán gồm:

- Phiếu thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi (lập theo mẫu đính kèm Thông tư này): các khoản chi phí ghi trong phiếu thanh toán do cơ sở y tế công lập lập, bảo đảm phù hợp với hoạt động khám, chữa bệnh tại đơn vị và các chế độ hiện hành. Giám đốc cơ sở y tế công lập chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của phiếu thanh toán. Kho bạc Nhà nước căn cứ Phiếu thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi và các chứng từ liên quan (nếu có) để kiểm soát chi theo quy định.

- Giấy giới thiệu chuyển viện (áp dụng đối với trường hợp trẻ em do cơ sở y tế tuyến dưới chuyển đến).

- Bản sao giấy xác nhận hộ nghèo, trẻ em cơ nhỡ do cơ quan có thẩm quyền cấp (áp dụng đối với trẻ dưới sáu tuổi được hỗ trợ về dinh dưỡng).

Đối với các khoản chi của Sở Y tế cho việc khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi của địa phương được chuyển đi khám, chữa bệnh ở các cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh quy định tại điểm d khoản 2 mục IV Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT, hồ sơ thanh, quyết toán gồm:

- + Hợp đồng khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi;

- + Bảng kê tổng hợp chi phí khám, chữa bệnh

cho trẻ em dưới sáu tuổi (do cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh lập).

+ Các chứng từ thanh toán có liên quan.

c) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi hạch toán, quyết toán vào loại 15 khoản 60, chi tiết theo mục và tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

Riêng đối với các khoản chi thanh toán cho việc khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi của địa phương được chuyển đi khám, chữa bệnh ở các cơ sở y tế công lập ngoài tỉnh quy định tại điểm d khoản 2 mục IV Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT, các đơn vị hạch toán, quyết toán vào mục 119 tiểu mục 14.

d) Đối với các cơ sở y tế công lập còn dư khoản chênh lệch giữa chi phí theo bệnh án và chi thực tế cho khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi do chưa hạch toán vào loại 15 khoản 60 những khoản chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ khám, chữa bệnh và tiền ngày giường bệnh (như chi phí về điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc và chi phí thường xuyên khác) trước thời điểm Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT có hiệu lực, được xem xét hạch toán giảm một số mục chi của loại 15 khoản 01, đồng thời hạch toán tăng một số mục chi tương ứng của loại 15 khoản 60 đối với số tiền chênh lệch nêu trên trong quyết toán ngân sách năm 2007.

## Mục 5

### QUYỀN HỌC TẬP, VUI CHƠI, GIẢI TRÍ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG KHIẾU CỦA TRẺ EM

**Câu hỏi 35: Quyền được học tập của trẻ em được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Quyền được học tập của trẻ em được khẳng định tại Điều 59 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001. Theo đó, học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác được học văn hóa và học nghề phù hợp.

Cụ thể hoá nguyên tắc Hiến định, Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 khẳng định:

1. Trẻ em có quyền được học tập.
2. Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí.

Phù hợp với quy định đó, Điều 10 Luật giáo dục năm 2005 đã cụ thể hoá quyền được học tập của trẻ em. Theo đó:

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.



Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình.

***Câu hỏi 36: Phổ cập giáo dục là gì? Trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 11, 12, 13 và 14 Luật giáo dục năm 2005 thì giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở là các cấp học phổ cập. Nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là

sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn.

Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục; khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục. Ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn nhà giáo, quy chế thi cử, hệ thống văn bằng, chứng chỉ; tập trung quản lý chất lượng giáo dục, thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục.

**Câu hỏi 37: *Giáo dục phổ thông trang bị những kiến thức gì cho trẻ em?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 27 Luật giáo dục năm 2005 thì giáo dục phổ thông nhằm:

Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

**Câu hỏi 38: *Quyền vui chơi, giải trí của trẻ em được bảo đảm như thế nào?***

**Trả lời:**

Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh.

Để bảo đảm các quyền này của trẻ em, nhằm tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ, hình thành nhân cách và nâng cao không ngừng phẩm chất tốt đẹp cho trẻ em, Nhà nước đã xác định một cách cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp. Trách nhiệm được xác định cụ thể như sau:

1. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp: xây dựng quy hoạch tổng thể và chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em để trình Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở; hướng dẫn nội dung hoạt động văn hóa - thông tin phục vụ trẻ em trên mọi địa bàn, đặc biệt là ở cơ sở, theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao trong thanh niên, thiếu niên và đào tạo tài năng thể thao trẻ.

c) Tăng cường quản lý và kiểm tra các hoạt động kinh doanh các sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa, nhằm ngăn chặn việc kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ văn hóa có ảnh hưởng xấu đến nhân cách, sức khỏe của trẻ em.

## 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Cùng với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo các Viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học trực thuộc, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất đồ chơi trẻ em phù hợp với tâm lý, sinh lý trẻ em, bảo đảm mục tiêu giáo dục, giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch chỉ đạo và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy mỹ học cho trẻ em.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu chính sách và chỉ đạo phát triển công nghiệp sản xuất đồ chơi trẻ em, ban hành tiêu chuẩn đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục cho từng lứa tuổi; thực hiện đúng các quy định về quản lý nhà nước đối với một số sản phẩm văn hóa và đồ chơi cho trẻ em nêu tại Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12-6-2006 của Chính phủ về hàng hóa, dịch vụ cấm, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07-5-2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ nêu trên tại Nghị định số 59/2006/NĐ-CP.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Xây dựng quy hoạch phát triển các khu hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao gắn với các khu dân cư và các trường học trong quy hoạch phát triển ở địa phương;

b) Huy động mọi nguồn lực và đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp đồng bộ các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em ở các địa phương, ưu tiên các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số;

c) Thực hiện chính sách ưu đãi sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật để xây dựng nhà thiếu nhi, khu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em;

d) Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội chỉ đạo phát triển đa dạng các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

6. Đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động vui chơi, giải trí trong hệ thống nhà thiếu nhi; chỉ đạo tổ chức lực lượng phụ trách vui chơi, giải trí cho thiếu nhi ở cơ sở.

7. Khuyến khích các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức xã hội và các cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em, theo chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước.

8. Các cơ quan thông tin đại chúng dành thời lượng thích đáng với nội dung và hình thức phù hợp cho các chương trình phục vụ trẻ em; chú trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tuyên truyền, phổ biến các hình thức vui chơi, giải trí, các sản phẩm văn hóa, đồ chơi có ích cho sự phát triển về tri thức, đạo đức, thẩm mỹ của trẻ em.

**Câu hỏi 39: *Quyền được hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch của trẻ em được bảo đảm như thế nào?***

**Trả lời:**

Trẻ em có quyền được hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

Đây là một quyền hết sức quan trọng của trẻ em, bởi vì, thông qua các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh trẻ em dần hình thành nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân; và cũng thông qua sự tham gia vào các hoạt động vui chơi và giải trí trẻ em Nhà nước định hướng được sự phát triển nhân cách của trẻ. Để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và phát hiện nhân tài (theo quy định của Hiến pháp), Nhà nước khuyến khích phát triển các hình thức đa dạng của hoạt động văn hoá, nghệ thuật và sự tham gia của trẻ em trong lĩnh vực này. Qua đó, phát hiện ra những tài năng để đào tạo và bồi dưỡng để trở thành nhân tài cho đất nước.

Để bảo đảm định hướng phát triển nhân cách của trẻ, Nhà nước đã quy định một cách cụ thể về nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân trong việc bảo vệ quyền được vui chơi, giải trí và tham gia vào các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với lứa tuổi và định ra những chính sách phù hợp nhằm xây dựng và đổi mới sự nghiệp văn hoá nghệ thuật theo hướng ngày càng bảo vệ và đảm bảo hơn các quyền này của trẻ em.

Mặt khác, để tạo điều kiện cho trẻ em có nơi vui chơi, giải trí lành mạnh, Nhà nước khuyến khích và bảo trợ việc xây dựng những cơ sở vật chất, kỹ thuật và phương tiện phục vụ trẻ em học tập, sinh hoạt và vui chơi. Nhà nước nghiêm cấm việc sử dụng những cơ sở vật chất, phương tiện công cộng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí của trẻ em vào mục đích khác.

**Câu hỏi 40: *Quyền được phát triển năng khiếu của trẻ em được bảo đảm như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì: Trẻ em có quyền được phát triển năng khiếu. Mọi năng khiếu của trẻ em đều được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển.

Phù hợp với quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Điều 62 Luật giáo dục năm 2005



có quy định riêng một điều về việc bảo đảm việc phát triển năng khiếu của trẻ em. Theo đó:

- Trường chuyên được thành lập ở cấp trung học phổ thông dành cho những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện.

- Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao được thành lập nhằm phát triển tài năng của học sinh trong các lĩnh vực này.

Nhà nước ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách cho các trường chuyên, trường năng khiếu do Nhà nước thành lập; có chính sách ưu đãi đối với các trường năng khiếu do tổ chức, cá nhân thành lập.

Cụ thể hóa các quy định của Luật giáo dục năm 2005, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Điều lệ của các cấp học (mầm non, tiểu học, trung học), trong đó xác định rõ quyền của trẻ em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, về thể dục, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện. Đối với những học sinh có năng lực đặc biệt thì sẽ được nhận học bổng (Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07-4-2008 về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non; Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31-8-2007 về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học và Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 07-7-2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành

Điều lệ Trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông và Trường phổ thông có nhiều cấp học).

Trong lĩnh vực thể dục thể thao, để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực toàn dân, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, khoản 2 Điều 20 Luật thể dục thể thao năm 2006 quy định: "hoạt động thể thao trong nhà trường là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khóa phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao".

## **Mục 6**

### **QUYỀN CÓ TÀI SẢN VÀ QUYỀN ĐƯỢC TIẾP CẬN THÔNG TIN, VÀ THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA TRẺ EM**

**Câu hỏi 41:** *Quyền có tài sản của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Điều 19 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: *Trẻ em có quyền có tài sản, quyền thừa kế theo quy định của pháp luật.*

Điều luật này đã khẳng định, trẻ em có quyền:

- Có tài sản theo quy định của pháp luật và

- Có quyền hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quyền có tài sản của trẻ em cũng đã được ghi nhận thông qua nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, đó là khi Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân đã khẳng định: *Cá nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự sau đây:*

1. *Quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản;*

2. *Quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với tài sản;*

3. *Quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.*

Tuy nhiên, với trẻ em mặc dù có tài sản nhưng khi tham gia vào các quan hệ dân sự thì bị hạn chế theo quy định của pháp luật. Ví dụ: không được đứng tên đăng ký ô tô, xe máy... Các hạn chế này nhằm chủ yếu là bảo vệ quyền về tài sản của trẻ em.

Về quyền thừa kế của trẻ em, Điều 52 Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định: *“mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”*. Để cụ thể hóa quyền dân sự này, Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật”*. Theo quy định của pháp luật thì con là những người thừa kế theo pháp luật hàng thứ nhất và có quyền thừa kế ngang nhau di sản của cha, mẹ; không có sự phân biệt giữa con

trai và con gái, con cả, con thứ, con trong giá thú và con ngoài giá thú, con đẻ và con nuôi.

Điều kiện để cá nhân (trẻ em) trở thành người thừa kế được quy định tại khoản 1 Điều 635 Bộ luật dân sự năm 2005 đó là người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế. Người thừa kế là cá nhân còn có thể là người sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Quy định này còn phụ thuộc vào việc di sản thừa kế được chia theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Nếu là thừa kế theo pháp luật, thì chỉ con của người thừa kế đã thành thai tại thời điểm mở thừa kế, sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế mới được quyền hưởng di sản. Nếu là thừa kế theo di chúc, thì người lập di chúc có quyền lập di chúc để lại di sản cho bất cứ ai. Do đó, người đã thành thai, sinh ra và còn sống sau khi người để lại di sản chết có thể là con của bất cứ ai mà người lập di chúc muốn cho hưởng di sản.

Việc nhận, từ chối nhận di sản thừa kế của trẻ em và việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 42: Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 20 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 đã quy định:

1. Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin phù hợp với sự phát triển của trẻ em, được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề mình quan tâm.

2. Trẻ em được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với nhu cầu và năng lực của mình.

Phù hợp với quy định của Luật, Nhà nước ta đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm quyền này của trẻ em được thực thi trên thực tế. Theo quy định tại Quyết định số 61/2005/QĐ-BVHTT ngày 04-11-2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa đến năm 2010. Trong đó, hệ thống các thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở (Nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, thôn, làng, ấp, bản; nhà rông, hội quán; đội thông tin lưu động ở cơ sở; trạm truyền thanh xã, phường; cụm kinh tế - văn hóa, cụm văn hóa - thể thao, cụm văn hóa - thông tin; điểm sáng văn hóa; công viên văn hóa; điểm vui chơi cho trẻ em ở xã, phường, làng, ấp, thôn, bản; nhà văn hóa thanh thiếu nhi, nhà văn hóa các ngành khác) là một trong những điều kiện bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội.

Đồng thời, các thiết chế giáo dục, đào tạo mà cụ thể là hệ thống giáo dục quốc dân cùng với các tổ chức, đoàn thể của nhà trường đã và đang hết sức tạo điều kiện để trẻ em được tiếp cận với thông tin, bày tỏ ý kiến, quan điểm, chính kiến của

mình và qua các tổ chức đó tham gia vào các hoạt động xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước đã thiết lập rất nhiều diễn đàn để qua đó trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình như các báo, tạp chí, chuyên san như: Hoa học trò, Nhi đồng, Nhi đồng chăm, Thiếu niên tiên phong v.v..

***Phần III***  
**BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM**  
**TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG**

**Câu hỏi 43: *Thế nào là lao động trẻ em?***

**Trả lời:**

Theo tinh thần cơ bản của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em; các quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007 và các tài liệu nghiên cứu khác ta có thể hiểu rằng:

- Lao động trẻ em là lao động của người còn ở lứa tuổi trẻ em đã phải đi làm cho bản thân và cho sự sống của gia đình.

- Sử dụng lao động trẻ em là chỉ người sử dụng lao động thuê lao động trẻ em vào làm một công việc nào đó cho bản thân hay nhóm người nào đó.

- Lao động chưa thành niên là lao động của người dưới 18 tuổi (Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

Ở nước ta và nhất là trong địa bàn đô thị, lao động trẻ em thường được sử dụng vào những loại công việc sau:

- + Làm thuê trong các gia đình (giúp việc);
- + Làm thuê trong các doanh nghiệp, cơ sở sản

xuất nhỏ như: sản xuất hàng gia công, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, xây dựng, cơ sở dịch vụ (quán ăn, nhà hàng, cửa hàng, chợ v.v.);

+ Tự kiếm sống như: bán báo, đánh giày, nhặt rác v.v..

**Câu hỏi 44: *Độ tuổi lao động của trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Công ước quốc tế về lao động năm 1973 quy định "Tuổi lao động trong bất kỳ trường hợp nào không được dưới 15 tuổi".

Pháp luật lao động Việt Nam quy định:

- Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động và có giao kết hợp đồng lao động (Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

- Người học nghề ở cơ sở dạy nghề ít nhất phải đủ 13 tuổi, trừ một số nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và phải có đủ sức khỏe phù hợp với yêu cầu của nghề theo học (Điều 22 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

- Cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Đối với ngành nghề và công việc được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, học nghề, tập nghề thì việc nhận và sử dụng những trẻ em này phải có sự đồng ý và theo dõi của cha mẹ hoặc



người đỡ đầu (Điều 120 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Đồng thời thì việc giao kết hợp đồng lao động phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người đó mới có giá trị (khoản 3 Điều 5 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 9-5-2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động).

Danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc tuân theo quy định tại Thông tư số 21/1999/TT-BLĐTBXH ngày 11-9-1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Câu hỏi 45:** *Khi người sử dụng lao động nhận trẻ em vào làm việc phải tuân thủ những quy định nào?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 121 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007 thì người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động. Nhà nước nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm

hoặc tiếp xúc với các chất độc hại hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành.

Việc nhận trẻ em vào làm việc hay học nghề ngoài việc phải tuân thủ các quy định chung cho mọi lao động còn phải tuân thủ các quy định riêng cụ thể như sau:

- Việc nhận và sử dụng những trẻ em này phải có sự đồng ý và theo dõi của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu (Điều 120 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

- Phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày sinh, công việc đang làm, kết hợp những lần kiểm tra sức khoẻ định kỳ và xuất trình khi thanh tra lao động yêu cầu (Điều 119 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

Đối với các đơn vị nhận trẻ em dưới 15 tuổi vào làm việc còn phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh (kèm theo giấy khai sinh), giới tính, địa chỉ thường trú, trình độ văn hoá, công việc đang làm, họ tên và địa chỉ của cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp và những điều kiện lao động áp dụng với trẻ em;

- Đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương về việc sử dụng trẻ em chưa đủ 15 tuổi làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh (theo mẫu - kèm theo Thông tư

số 21/1999/TT-BLĐTBXH ngày 11-9-1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

- Phải kiểm tra sức khỏe của trẻ em trước khi tuyển dụng và tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ, ít nhất 6 tháng một lần;

- Chịu trách nhiệm về sự an toàn và sức khỏe của trẻ em trong quá trình làm việc.

**Câu hỏi 46: Thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên không được quá 7 giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác và các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam có sử dụng lao động chưa thành niên, thực hiện tuần làm việc 35 giờ trong 5 ngày (*Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17-9-1999 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ*).

- Chỉ sử dụng người lao động chưa thành niên làm thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Điều 122 Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

- Đối với trẻ em dưới 15 tuổi được nhận vào làm việc theo những ngành nghề, công việc theo quy định của Thông tư số 21/1999/TT-BLĐTBXH

ngày 11-9-1999 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì thời gian làm việc không được quá 4 giờ một ngày hoặc 24 giờ một tuần và không được sử dụng trẻ em làm thêm giờ vào ban đêm.

- Thời gian được tính là thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên và được hưởng lương bao gồm:

- + Thời giờ nghỉ giữa ca làm việc;
- + Thời giờ nghỉ giải lao theo tính chất công việc;
- + Thời giờ nghỉ cần thiết trong quá trình lao động đã được tính trong định mức lao động, cho nhu cầu sinh lý tự nhiên của con người;
- + Thời giờ phải ngừng việc không do lỗi của người lao động;
- + Thời giờ học tập, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- + Thời giờ hội họp, học tập do yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc được người sử dụng lao động cho phép.

***Câu hỏi 47: Nhà nước quy định những điều kiện lao động nào và những loại công việc nào cấm sử dụng lao động chưa thành niên?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư liên bộ số 9-TT/LB ngày 13-4-1995 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên thì Nhà nước cấm các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động chưa

thành niên làm các công việc có các điều kiện có hại sau:

1. Lao động thể lực quá sức.
2. Tư thế làm việc gò bó, thiếu dưỡng khí.
3. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất có khả năng gây biến đổi gen, ảnh hưởng xấu đến chuyển hoá tế bào, gây ung thư, tác hại sinh sản v.v..
4. Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm.
5. Tiếp xúc với chất phóng xạ (kể cả thiết bị phát ra tia phóng xạ).
6. Tiếp xúc với điện từ trường ở mức quá giới hạn cho phép.
7. Trong môi trường có độ rung ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép.
8. Nhiệt độ không khí trong nhà xưởng 40°C về mùa hè và trên 35°C về mùa đông, hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao.
9. Nơi có áp suất không khí cao hơn hoặc thấp hơn áp suất của khí quyển.
10. Trong lòng đất.
11. Nơi cheo leo nguy hiểm.
12. Nơi làm việc không phù hợp với thần kinh, tâm lý người chưa thành niên.
13. Nơi ảnh hưởng xấu tới việc hình thành nhân cách.

Theo quy định tại Danh mục công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên (ban hành kèm theo Thông tư liên bộ số 9 - TT/LB ngày 13-4-1995 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và

Bộ Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên) có 81 loại công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên vào làm việc. Đây là những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc phải tiếp xúc với các chất độc hại có ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe và ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em.

**Câu hỏi 48: *Việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với lao động chưa thành niên được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Chương IX Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007, Nghị định số 06/CP ngày 20-01-1995 và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27-12-2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động thì:

- Trong quá trình lao động sản xuất, người sử dụng lao động có trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động.

- Người sử dụng lao động phải bảo đảm nơi làm việc đạt tiêu chuẩn về không gian, độ thoáng, độ sáng, đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép

về bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung và các yếu tố có hại khác. Người sử dụng lao động phải định kỳ kiểm tra, tu sửa máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng theo tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động; phải bố trí đề phòng sự cố, có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Người lao động có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp.

- Trước khi nhận việc, người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề phải được hướng dẫn, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Pháp luật nghiêm cấm việc sử dụng người lao động chưa được huấn luyện và chưa được cấp thẻ an toàn làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và vệ sinh lao động.

- Cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư liên bộ số 9-TT/LB ngày 13-4-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

#### *Phần IV*

### **BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**Câu hỏi 49:** *Trẻ em được pháp luật bảo vệ quyền nhân thân như thế nào?*

**Trả lời:**

Quyền nhân thân được quy định trong Điều 24 Bộ luật dân sự năm 2005 là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đó là: quyền đối với họ tên (Điều 26), quyền thay đổi họ tên (Điều 27), quyền xác định dân tộc (Điều 28), quyền được khai sinh (Điều 29), quyền được khai tử (Điều 30), quyền của cá nhân đối với hình ảnh (Điều 31), quyền được bảo đảm về tính mạng, sức khỏe, thân thể (Điều 32), quyền đối với quốc tịch (Điều 45), quyền được bảo đảm an toàn về chỗ ở (Điều 46), quyền tự do đi lại, cư trú (Điều 48) v.v..

Không ai được quyền lạm dụng quyền nhân thân của mình xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Điều 25 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định



những biện pháp bảo vệ quyền nhân thân. Khi quyền nhân thân của một cá nhân bị xâm phạm thì người đó có quyền tự mình cải chính hoặc yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai; hoặc bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần (nếu có).

Tất cả các quy định chung về quyền nhân thân này đều áp dụng không hạn chế đối với trẻ em. Ngoài ra trẻ em còn được bảo vệ đặc biệt bằng các văn bản pháp luật khác như Luật quốc tịch năm 2008, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004...

***Câu hỏi 50: Nơi cư trú của trẻ em được quy định cụ thể như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2005 thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha, mẹ; nếu cha, mẹ có nơi cư trú khác nhau thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha hoặc mẹ mà người chưa thành niên thường xuyên chung sống. Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ, nếu được cha, mẹ đồng ý trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc quy định nơi cư trú của trẻ em là vì người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về tâm lý, sinh lý, họ chưa thể tạo lập cho mình

một cuộc sống riêng, độc lập, họ chưa có điều kiện lao động để làm ra của cải vật chất và tạo lập cho mình một nơi cư trú riêng. Vì vậy, nơi cư trú của họ phải phụ thuộc vào nơi cư trú của người có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục họ - đó là cha, mẹ họ. Mặt khác, người chưa thành niên là người chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự, họ chưa có tài sản riêng để tham gia các giao dịch dân sự và khi phát sinh vấn đề trách nhiệm, họ chưa thể bảo đảm và tự chịu trách nhiệm cho các giao dịch đó. Trong trường hợp này mọi giao dịch dân sự của người chưa thành niên phải được đặt dưới sự kiểm soát của người đại diện đương nhiên của họ - đó là cha, mẹ.

Việc quy định nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha, mẹ không chỉ có ý nghĩa về mặt xã hội mà nó còn có ý nghĩa lớn về mặt pháp lý. Chế định về nơi cư trú của người chưa thành niên là một đảm bảo quan trọng không chỉ đối với lợi ích của chính bản thân người chưa thành niên mà nó còn nhằm để bảo vệ lợi ích hợp pháp của người có liên quan và bảo vệ trật tự công cộng.

Trong trường hợp cha, mẹ không có cùng nơi cư trú, thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ mà người chưa thành niên thường xuyên chung sống. Về mặt nguyên tắc, nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha hoặc mẹ nhưng pháp

luật dân sự đã dành một biệt lệ cho người chưa thành niên từ đủ mười lăm tuổi trở lên, họ có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý. Đây là một quy định khá mềm dẻo của pháp luật dân sự phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của con người Việt Nam và đáp ứng nhu cầu của một tầng lớp thanh niên mới vừa trưởng thành, có ý thức tự lập sớm, có khả năng và điều kiện sản xuất ra của cải vật chất và có khả năng xác lập, thực hiện một số quan hệ pháp luật dân sự.

Điều 54 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng quy định về nơi cư trú của người được giám hộ là nơi cư trú của người giám hộ. Người được giám hộ có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của người giám hộ, nếu được người giám hộ đồng ý trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc pháp luật quy định nơi cư trú của người được giám hộ là nơi cư trú của người giám hộ xuất phát bởi lý do, người được giám hộ là những người không có năng lực hành vi, hoặc có năng lực hành vi không đầy đủ, hoặc bị mất năng lực hành vi. Họ không thể tự mình xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự, họ cần phải có một hoặc nhiều người giúp đỡ, hướng dẫn để có thể thực hiện được các quyền này - đó chính là người giám hộ. Mặt khác, việc quy định như vậy còn có ý nghĩa trong việc giám sát việc giám hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cơ quan này muốn đôn đốc,

theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giám hộ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người được giám hộ. Khi người giám hộ thay đổi nơi cư trú, thì nơi cư trú của người được giám hộ cũng thay đổi theo.

**Câu hỏi 51: Trẻ em gây thiệt hại có phải bồi thường không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 606 Bộ luật dân sự năm 2005 thì người từ đủ 18 tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

Trẻ em dưới 15 tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng, thì lấy tài sản đó để bồi thường phần thiệt hại còn thiếu. Trong trường hợp người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Khi trẻ em gây thiệt hại, mà có cá nhân hoặc tổ chức giám hộ thì cá nhân, tổ chức đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi thường; nếu người được giám hộ không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường, thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

Tương tự, Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng quy định cha, mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định tại Điều 606 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định trường hợp trẻ em dưới 15 tuổi gây thiệt hại trong thời gian học tại trường thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra. Nếu trường học chứng minh được mình không có lỗi trong quản lý thì cha, mẹ, người giám hộ của người dưới 15 tuổi phải bồi thường.

***Câu hỏi 52: Trẻ em là con nuôi được pháp luật bảo vệ như thế nào?***

**Trả lời:**

1. Theo quy định của Luật nuôi con nuôi đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 và có hiệu lực từ ngày 01-01-2011 (sau đây gọi là Luật nuôi con nuôi năm 2010) thì "Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi". Trong đó, (i) nuôi con nuôi trong nước là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau thường trú ở Việt Nam; (ii) Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú

ở Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài (Điều 3).

Mặt khác, để bảo vệ quyền lợi của trẻ em và phù hợp với quy định của pháp luật trong nước, pháp luật quy định rằng trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi phải là trẻ em từ mười sáu tuổi trở xuống. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ được nhận làm con nuôi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Được cha dưỡng, mẹ kế nhận làm con nuôi; (2) Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi. Trong đó, trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên làm con nuôi phải được sự đồng ý của trẻ em đó.

Theo quy định tại Điều 4 của Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì khi giải quyết việc nuôi con nuôi các bên phải:

- Tôn trọng quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc.

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

- Chỉ cho làm con nuôi người ở nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước.

2. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em được cho làm con nuôi, pháp luật cũng đã xác định thứ tự ưu tiên khi lựa chọn gia đình thay thế cho trẻ một cách cụ thể như sau (Điều 5 Luật nuôi con nuôi năm 2010):

a) Cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;

b) Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước;

c) Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

d) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

đ) Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài.

Trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất.

3. Để bảo vệ quyền của trẻ em, pháp luật đã quy định một loạt các hành vi bị cấm khi cho, nhận và giải quyết việc nuôi con nuôi (Điều 13 Luật nuôi con nuôi năm 2010). Cụ thể, nghiêm cấm:

- Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em.

- Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi.

- Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi.

- Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số.

- Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi.

- Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Người có hành vi vi phạm một trong các điều cấm trên thì tùy mức độ nguy hiểm của hành vi có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

Để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, pháp luật đã quy định, người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

4. Để bảo đảm việc cho trẻ em làm con nuôi được thực hiện trên tinh thần nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, minh bạch, góp phần đấu tranh phòng, chống hiện tượng mua bán trẻ em làm con nuôi hoặc lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, Luật nuôi con nuôi năm 2010 đã quy định một cách cụ thể, chi tiết trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc nuôi con nuôi. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước được quy định cụ thể tại các điều từ Điều 44 đến Điều 49 của Luật, cụ thể như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.
- Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.



- Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.

- Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi tại địa phương.

***Bộ Tư pháp có trách nhiệm:***

- Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nuôi con nuôi.

- Ban hành và tổ chức thực hiện thống nhất biểu mẫu giấy tờ, sổ sách về nuôi con nuôi; cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

- Hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

***Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:***

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng và cho trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi, bảo đảm đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, hướng dẫn ngành Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc quản lý, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục trẻ em, có biện pháp phòng ngừa tình trạng trẻ em bị bỏ rơi.

- Kiểm tra, theo dõi việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân vì mục đích bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

***Bộ Công an có trách nhiệm:***

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

- Hướng dẫn Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi.

***Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:***

- Chỉ đạo Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

- Hướng dẫn Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

***Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:***

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010;

- b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương;

- c) Báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình giải quyết

việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương;

d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Giải quyết các việc hộ tịch liên quan đến nuôi con nuôi;

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương;

c) Kiểm tra, theo dõi tình hình nuôi con nuôi ở địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo thẩm quyền;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Đăng ký, theo dõi việc nuôi con nuôi trong nước, ghi chú việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo thẩm quyền;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

**Câu hỏi 53: *Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21-03-2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2011/NĐ-CP) thì thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi được quy định tại Điều 9 của Luật nuôi con nuôi và Điều 2 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

1. Đối với việc nuôi con nuôi trong nước, thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã thường trú của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi; trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp

xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

2. Đối với việc nuôi con nuôi nước ngoài, thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi quyết định cho người đó làm con nuôi; trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng trẻ em quyết định cho trẻ em đó làm con nuôi.

Sở Tư pháp thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi nước ngoài sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài, thì Cơ quan đại diện nơi tạm trú của người được nhận làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi; trường hợp cả hai bên tạm trú ở nước không có Cơ quan đại diện, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện nào thuận tiện nhất đối với họ.

**Câu hỏi 54: Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 28 Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài gồm:

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh trong các trường hợp sau đây:

a) Là cha đẻ, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi;

b) Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;

c) Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi;

d) Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi;

đ) Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.

3. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

4. Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam.

**Câu hỏi 55: *Thế nào là trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo? Trường hợp được nhận làm con nuôi ở nước ngoài thì thủ tục như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo được nhận đích danh làm con

nuôi được xác định là: trẻ em bị sút môi hở hàm ếch; trẻ em bị mù một hoặc cả hai mắt; trẻ em bị câm, điếc; trẻ em bị khoèo chân, tay; trẻ em không có ngón hoặc bàn chân, tay; trẻ em nhiễm HIV; trẻ em mắc các bệnh về tim; trẻ em bị thoát vị rốn, bẹn, bụng; trẻ em không có hậu môn hoặc bộ phận sinh dục; trẻ em bị các bệnh về máu; trẻ em mắc bệnh cần điều trị cả đời; trẻ em bị khuyết tật khác hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác mà cơ hội được nhận làm con nuôi bị hạn chế.

Trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo nếu được nhận làm con nuôi ở nước ngoài, thì được miễn thủ tục thông báo tìm gia đình thay thế theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 15 và thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật nuôi con nuôi.

Trong trường hợp trẻ em không có đủ căn cứ rõ ràng để xác định trẻ em thuộc diện quy định như trên thì Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Cục Con nuôi) lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật người khuyết tật đối với trẻ em khuyết tật hoặc của chuyên gia y tế đối với trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo.

**Câu hỏi 56:** *Trình tự, thủ tục để trẻ em làm con nuôi trong nước được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010,

sau khi người có nhu cầu nhận con nuôi đăng ký nhu cầu với Sở Tư pháp nơi người đó thường trú; nếu có trẻ em để giới thiệu làm con nuôi thì Sở Tư pháp giới thiệu đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đó thường trú để xem xét, giải quyết.

Trình tự, thủ tục để nhận trẻ em làm con nuôi được quy định cụ thể như sau:

### **1. Hoàn thiện hồ sơ của người nhận con nuôi**

Người nhận nuôi con nuôi phải hoàn chỉnh 01 (một) bộ hồ sơ của mình với các giấy tờ sau:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp. Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không cần văn bản này.

Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi không thuộc trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi và không cùng



thường trú tại một địa bàn xã, thì việc xác nhận về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi được thực hiện như sau:

- Trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi, thì văn bản về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi do Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó thường trú xác nhận.

- Trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó thường trú, thì công chức Tư pháp - Hộ tịch xác minh hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

## **2. Nộp hồ sơ, thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi**

- Người nhận con nuôi phải nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú hoặc nơi người nhận con nuôi thường trú.

- Thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

## **3. Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan**

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ có

trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tiến hành xong việc lập ý kiến của những người quy định tại Điều 21 của Luật nuôi con nuôi năm 2010. Việc lấy ý kiến phải lập thành văn bản và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người được lấy ý kiến.

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 19/2001/NĐ-CP thì trách nhiệm lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi được quy định cụ thể như sau:

1. Việc lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Luật nuôi con nuôi năm 2010 và do công chức Tư pháp - Hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi trực tiếp thực hiện.

2. Trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó thường trú nhưng không phải là nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi, thì việc lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cử công chức Tư pháp - Hộ tịch trực tiếp đi lấy ý kiến, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi cử công chức Tư pháp - Hộ tịch của mình phối hợp lấy ý kiến của những người liên quan.

b) Trường hợp không thể cử công chức Tư pháp - Hộ tịch trực tiếp đi lấy ý kiến, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi lấy ý kiến của những người liên quan.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi cử công chức Tư pháp - Hộ tịch của mình trực tiếp lấy ý kiến của những người liên quan và gửi kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp xã có yêu cầu.

3. Việc lấy ý kiến phải thể hiện bằng văn bản và đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 19/2010/NĐ-CP.

#### **4. Đăng ký việc nuôi con nuôi**

Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha, mẹ nuôi, cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người quy định tại Điều 21 của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản cho người

nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến của những người quy định tại Điều 21 của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi được gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi được Nghị định số 19/2001/NĐ-CP quy định cụ thể như sau:

- Việc đăng ký nuôi con nuôi được tiến hành tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi đăng ký nuôi con nuôi, cha, mẹ nuôi, cha, mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt. Công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên.

- Trường hợp con nuôi là trẻ em bị bỏ rơi mà phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã còn để trống, thì căn cứ vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi bổ sung các thông tin của cha, mẹ nuôi vào phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh của con nuôi; tại cột ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ là cha, mẹ nuôi.

- Trường hợp có sự thỏa thuận giữa cha, mẹ đẻ

và cha, mẹ nuôi, sự đồng ý của con nuôi từ chín tuổi trở lên về việc thay đổi phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh của con nuôi; thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh cho trẻ em đăng ký khai sinh lại cho con nuôi và thu hồi Giấy khai sinh cũ; tại cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ là cha, mẹ nuôi.

Theo quy định của pháp luật trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ nuôi có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ thường trú về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của con nuôi với cha mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha, mẹ nuôi thường trú có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi.

**Câu hỏi 57: *Trình tự, thủ tục để trẻ em làm con nuôi người nước ngoài được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

1. Theo quy định tại Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì sau khi các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ của người nhận con nuôi, hồ sơ của tổ chức con nuôi nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài có nhu cầu nhận con nuôi là người Việt Nam phải hoàn thiện bộ hồ sơ với các giấy tờ cụ thể sau:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;
- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;
- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;
- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được nhận con nuôi đích danh như: (i) Là cha đẻ, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi; (ii) Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi; (iii) Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi; (iv) Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi; (v) Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.

Hồ sơ của người nhận con nuôi được lập thành 02 bộ và nộp cho Bộ Tư pháp thông qua cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú; trường hợp nhận con

nuôi đích danh thì người nhận con nuôi có thể trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì khi nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi, người nhận con nuôi đích danh phải nộp 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi và tùy từng trường hợp còn phải có giấy tờ tương ứng sau đây:

- Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha đẻ hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.

- Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người đó nhận con nuôi Việt Nam và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.

- Giấy tờ, tài liệu để chứng minh trẻ em được nhận làm con nuôi là trẻ em thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã, nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.

Trường hợp người nhận con nuôi đích danh sau khi nhận được hồ sơ và thẩm định, Bộ Tư pháp

chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì thủ tục nộp và tiếp nhận hồ sơ của người nhận con nuôi nước ngoài được quy định như sau:

- Trường hợp nhận con nuôi đích danh, thì người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi. Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi, người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi hoặc gửi hồ sơ cho Cục Con nuôi qua đường bưu điện theo hình thức gửi bảo đảm.

- Trường hợp nhận con nuôi không đích danh, thì người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.

- Cục Con nuôi xem xét, tiếp nhận hồ sơ của người nhận con nuôi căn cứ số lượng trẻ em Việt Nam có đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài.



Sau khi nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi nước ngoài theo quy định, Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ để xác định:

- Người nhận con nuôi đã được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người đó thường trú bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật của nước đó;

- Người nhận con nuôi đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam.

Khi thẩm định hồ sơ, nếu thấy cần thiết, Cục Con nuôi lấy ý kiến của chuyên gia tâm lý, y tế, gia đình, xã hội để xác định người nhận con nuôi có điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi.

Trường hợp sau khi thẩm định hồ sơ, xét thấy không chấp thuận, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

3. Trình tự giới thiệu trẻ em làm con nuôi được Luật nuôi con nuôi năm 2010 quy định cụ thể như sau:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi, Sở Tư pháp xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi trên cơ sở bảo đảm các căn cứ quy định tại Điều 35 của Luật nuôi con nuôi năm 2010 và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý thì thông báo cho Sở Tư pháp để làm thủ tục chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp;

trường hợp không đồng ý thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trước khi Sở Tư pháp xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, nếu có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì người đó liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú để xem xét, giải quyết; nếu việc nhận con nuôi đã hoàn thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tư pháp để chấm dứt việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi, Bộ Tư pháp kiểm tra việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi, nếu hợp lệ thì lập bản đánh giá việc trẻ em Việt Nam đủ điều kiện được làm con nuôi nước ngoài và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp.

Người nhận con nuôi không được có bất kỳ sự tiếp xúc nào với cha mẹ, người giám hộ hoặc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em trước khi nhận được thông báo giới thiệu trẻ em làm con nuôi, trừ trường hợp quy

định tại khoản 2 Điều 28 của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

- Trường hợp người nhận con nuôi từ chối nhận trẻ em được giới thiệu làm con nuôi mà không có lý do chính đáng thì việc giải quyết hồ sơ xin nhận con nuôi của người đó chấm dứt.

#### **4. Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và việc tổ chức giao nhận con nuôi**

- Sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật nuôi con nuôi năm 2010, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

- Ngay sau khi có quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Người nhận con nuôi phải có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp; trường hợp vợ, chồng xin nhận con nuôi mà một trong hai người vì lý do khách quan không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi thì phải có ủy quyền cho người kia; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn trên có thể kéo dài, nhưng không quá 90 ngày. Hết thời hạn nêu trên, nếu người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi thì Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh hủy quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp, với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ gia đình.

Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và đại diện Sở Tư pháp.

- Sau khi giao nhận con nuôi, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp quyết định cho trẻ em là con nuôi nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, biên bản giao nhận con nuôi, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài.

- Bộ Tư pháp gửi quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài về việc trẻ em được nhận làm con nuôi để thực hiện biện pháp bảo hộ trẻ em trong trường hợp cần thiết.

Theo quy định tại Điều 39 Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì sáu tháng một lần trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tư pháp và

Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước nơi con nuôi thường trú về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của con nuôi với cha, mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng.

## *Phần V*

# **BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**

## **Mục 1**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC,  
GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG VIỆC BẢO VỆ  
TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**

***Câu hỏi 58: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt  
được pháp luật bảo vệ như thế nào?***

### **Trả lời:**

Như phần trên đã nêu, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật.

Theo quy định tại Điều 41 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được xác định:

1. Trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em phải coi trọng việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; kịp thời giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em; kiên trì trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi dễ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

2. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được thực hiện chủ yếu tại gia đình hoặc gia đình thay thế. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cơ sở trợ giúp trẻ em chỉ áp dụng cho những trẻ em không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc gia đình thay thế.

3. Tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được học tập hoà nhập hoặc được học tập ở cơ sở giáo dục chuyên biệt.

**Câu hỏi 59: *Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được xác định như thế nào?***

**Trả lời:**

Để bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Nhà nước đã xác định các chính sách cụ thể sau đây (Điều 42 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004):

1. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện để trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng các quyền của trẻ em; hỗ trợ cá nhân, gia đình nhận chăm

sóc, nuôi dưỡng trẻ em; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp trẻ em, thành lập cơ sở trợ giúp trẻ em để bảo đảm cho mọi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không còn nơi nương tựa được chăm sóc, nuôi dưỡng.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình, gia đình thay thế hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em công lập, ngoài công lập.

3. Các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em trong việc giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Cụ thể hóa các quy định này của Luật, Điều 20 Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 xác định trách nhiệm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở cơ sở cụ thể như: Cơ quan có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp xã phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn, bao gồm:

1. Cùng với gia đình, gia đình thay thế, cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt lập sổ theo dõi diễn biến của từng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.



2. Vận động cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không nơi nương tựa, không còn nguồn nuôi dưỡng làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế. Trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình, gia đình thay thế thì lập hồ sơ và gửi trẻ em đó đến cơ sở trợ giúp trẻ em.

3. Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp thông tin, kiến thức và hướng dẫn kỹ năng thực hành cho cha mẹ, người giám hộ, các thành viên gia đình, người tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về biện pháp giải quyết, giảm nhẹ, phục hồi sức khỏe, tinh thần, giáo dục đạo đức và tái hoà nhập phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của từng trẻ em.

4. Tổ chức việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc điều tra, phát hiện, xử lý hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, các hành vi vi phạm quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 60: *Pháp luật xác định các hình thức trợ giúp nào trong việc bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 43 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì có

các hình thức trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sau đây:

1. Đóng góp tự nguyện bằng tiền hoặc hiện vật;
2. Nhận làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;
3. Tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cơ sở trợ giúp trẻ em;
4. Tổ chức các hoạt động để hỗ trợ trẻ em giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức.

**Câu hỏi 61: Điều kiện để các cá nhân hoặc các cặp vợ chồng có thể nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để chăm sóc thay thế?**

**Trả lời:**

Gia đình thay thế là gia đình hoặc cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, như: nhận làm con nuôi, nhận giám hộ v.v..

1. Về điều kiện nhận trẻ làm con nuôi:
  - Điều kiện đối với cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi là:
    - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
    - b) Hơn trẻ em được nhận nuôi dưỡng từ hai mươi tuổi trở lên. Trong trường hợp bác, chú, cậu, cô, dì của trẻ em mồ côi nhận nuôi cháu thì phải là người thành niên và hơn cháu từ mười tuổi trở lên;
    - c) Có tư cách đạo đức tốt; thực hiện tốt các chủ

trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; không mắc vào các tệ nạn xã hội;

d) Có thu nhập thường xuyên hoặc tuy không có thu nhập thường xuyên nhưng còn tài sản sau khi đã trừ đi chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của người đó;

đ) Có chỗ ở ổn định;

e) Không phải là người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc bị kết án mà chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật;

g) Tự nguyện nhận nuôi.

- Điều kiện đối với gia đình nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi: Trong trường hợp gia đình có cả vợ và chồng thì vợ và chồng đều phải có đủ các điều kiện theo quy định nêu trên.

- Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi phải đảm bảo cho trẻ em này được đi học, chăm sóc sức khỏe, đối xử bình đẳng và phải thực hiện việc giám hộ cho trẻ em theo quy định của pháp luật; nghiêm cấm việc ngược đãi, bắt trẻ em lao động quá sức.

2. Điều kiện làm giám hộ: cá nhân có đủ các điều kiện sau đây có thể làm người giám hộ:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có tư cách đạo đức tốt; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác;

c) Có điều kiện cần thiết bảo đảm thực hiện việc giám hộ.

**Câu hỏi 62:** *Gia đình và gia đình thay thế có vai trò như thế nào trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?*

**Trả lời:**

Gia đình và gia đình thay thế có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Hơn ai hết, chính gia đình là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các em, là nơi bảo đảm tốt nhất sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được thực hiện chủ yếu tại gia đình hoặc gia đình thay thế (việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cơ sở trợ giúp trẻ em chỉ áp dụng cho những trẻ em không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc gia đình thay thế). Do vậy, gia đình hoặc gia đình thay thế phải đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được đi học, chăm sóc sức khỏe, đối xử bình đẳng và phải thực hiện việc giám hộ cho trẻ em theo quy định của pháp luật; nghiêm cấm việc ngược đãi, bắt trẻ em lao động quá sức.

Trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em phải coi trọng việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; kịp thời giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em; kiên trì trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi sức

khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Gia đình cùng với nhà nước và xã hội cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được học tập hoà nhập hoặc được học tập ở cơ sở giáo dục chuyên biệt (như trường học dành cho trẻ khuyết tật (khiếm thị, khiếm thính, bại liệt v.v.), trường giáo dưỡng dành cho trẻ vi phạm pháp luật, lớp học tình thương dành cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ v.v.).

**Câu hỏi 63:** *Trách nhiệm của cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình đối với trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt?*

**Trả lời:**

Pháp luật quy định việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường, Nhà nước, xã hội và công dân. Trong mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có liên quan đến trẻ em thì lợi ích của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu. Khi gia đình có trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt (như trẻ em khuyết tật, trẻ em bỏ nhà đi lang thang, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em vi phạm pháp luật v.v.) thì gia đình chính là chỗ dựa lớn nhất, giúp các em vượt qua những mất mát về thể chất, tinh thần. Do vậy, cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình cần thực hiện các biện pháp trợ giúp cho các em cả về thể chất và tinh thần như:

1. Cha mẹ, người giám hộ là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, dành điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em; khi gặp khó khăn tự mình không giải quyết được, có thể yêu cầu và được cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

2. Cha mẹ, người giám hộ, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình phải gương mẫu về mọi mặt cho trẻ em noi theo; có trách nhiệm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm chăm lo chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng lứa tuổi.

4. Trong trường hợp ly hôn hoặc các trường hợp khác, người cha hoặc người mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi dưỡng con đến tuổi thành niên, có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

5. Cha mẹ có trách nhiệm bảo đảm điều kiện để trẻ em được sống chung với mình. Trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi thì việc giao, nhận trẻ em làm con nuôi, đưa trẻ em ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam phải theo quy định của pháp luật.

6. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm thực

hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em.

7. Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

8. Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi.

9. Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm phát hiện, khuyến khích, bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của trẻ em.

10. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật. Trường hợp trẻ em gây ra thiệt hại cho người khác thì cha mẹ, người giám hộ phải bồi thường thiệt hại do hành vi của trẻ em đó gây ra theo quy định của pháp luật.

11. Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện, giúp đỡ trẻ em được tiếp cận thông tin phù hợp, được phát triển tư duy sáng tạo và bày tỏ nguyện vọng; có trách nhiệm lắng nghe và giải quyết nguyện vọng chính đáng của trẻ em.

## Mục 2

### BẢO VỆ ĐỐI VỚI TRẺ EM MÔ CÔI, KHÔNG NƠI NƯỞNG TỰA VÀ TRẺ EM BỊ BỎ RƠI

**Câu hỏi 64:** *Trẻ em trong trường hợp nào thì được coi là mô côi, không nơi nương tựa và bị bỏ rơi?*

**Trả lời:**

Trẻ em mô côi, không nơi nương tựa, bị bỏ rơi là những trường hợp trẻ không có được sự chăm sóc, giáo dục của gia đình hoặc người giám hộ như:

- Sau khi sinh con, cha mẹ bỏ con, không chăm sóc, nuôi dưỡng;

- Cha mẹ, người giám hộ để trẻ em cho người khác nuôi, cắt đứt quan hệ, không thực hiện nghĩa vụ đóng góp nuôi dưỡng trẻ em mặc dù có khả năng thực hiện nghĩa vụ (trừ trường hợp cho trẻ em làm con nuôi);

- Cha mẹ, người giám hộ bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

**Câu hỏi 65:** *Nhà nước có chính sách như thế nào để khuyến khích các cá nhân, gia đình, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mô côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi?*

**Trả lời:**

Theo Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì



trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi được Ủy ban nhân dân địa phương giúp đỡ để có gia đình thay thế hoặc tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp trẻ em công lập, ngoài công lập.

Nhà nước khuyến khích gia đình, cá nhân nhận nuôi con nuôi; cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận đỡ đầu, nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi. Đồng thời, Nhà nước có chính sách trợ giúp gia đình, cá nhân hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em ngoài công lập nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi. Cụ thể là: Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi thì được hỗ trợ kinh phí với mức thấp nhất là 200.000 đồng/tháng/trẻ em. Riêng đối với gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi dưới mười tám tháng tuổi thì được hỗ trợ kinh phí với mức thấp nhất là 270.000 đồng/tháng/trẻ em<sup>1</sup>.

Ngoài ra, Nhà nước còn có những chính sách khác về trợ cấp xã hội, trợ giúp về y tế, khám, chữa bệnh, giáo dục, v.v. cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nêu trên.

---

1. Xem: Điều 51 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Điều 5 Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17-3-2004 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp kinh phí cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi. Thông tư liên tịch số 08/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 23-01-2006 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (TG).

**Câu hỏi 66:** *Những gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi như thế nào?*

**Trả lời:**

Việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không chỉ là trách nhiệm của gia đình, của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Nhà nước khuyến khích các gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi bằng nhiều hình thức khác nhau như:

- Đóng góp tự nguyện bằng tiền hoặc hiện vật trực tiếp cho cá nhân, gia đình, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hoặc thông qua các Quỹ Bảo trợ trẻ em;

- Nhận làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi;

- Tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa và trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở trợ giúp trẻ em;

- Tổ chức các hoạt động để hỗ trợ trẻ em giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức.

**Câu hỏi 67:** *Khi gặp trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi thì các cá nhân, tổ chức cần thực hiện những biện pháp gì để giúp đỡ các em có được sự chăm sóc, bảo trợ của gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?*

**Trả lời:**

Khi gặp trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi thì các cá nhân, tổ chức cần thực hiện những biện pháp sau để giúp đỡ các em có được sự chăm sóc, bảo trợ của gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

- Thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của trẻ: như cho trẻ ăn, uống, đưa trẻ đến cơ sở y tế nơi gần nhất để sơ, cấp cứu v.v.;

- Thông báo cho các cơ quan chức năng (Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cơ quan công an, cơ quan dân số, gia đình và trẻ em ở địa phương nơi phát hiện thấy trẻ...) hoặc các cơ sở trợ giúp trẻ em những thông tin cần thiết về tình trạng của trẻ;

- Đưa trẻ đến các cơ sở chăm sóc, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc tạm thời đưa trẻ về gia đình chăm sóc;

- Trong trường hợp cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện và tự nguyện nhận trẻ mồ côi, không nơi nương tựa hoặc bị bỏ rơi về chăm sóc, nuôi dưỡng

thì cần làm các thủ tục pháp lý cần thiết như: đăng ký nhận con nuôi, đăng ký khai sinh cho trẻ v.v. (xem thêm câu 68).

**Câu hỏi 68:** *Những thủ tục cần thiết trong việc giám hộ hoặc nhận làm con nuôi đối với trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi?*

**Trả lời:**

Pháp luật hiện hành quy định rất cụ thể về điều kiện, thủ tục nhận giám hộ hoặc nhận làm con nuôi trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi (sau đây gọi chung là trẻ mồ côi)<sup>1</sup>. Cụ thể là:

**1. Về thủ tục nuôi con nuôi**

**1.1. Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi**

- Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi;
- Trong trường hợp trẻ bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ bị bỏ rơi đăng ký việc nuôi con nuôi; nếu trẻ em đó đã được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng đăng ký việc nuôi con nuôi.

**1.2. Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi**

Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi gồm có:

---

1. Xem: Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

a) Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi (theo mẫu quy định): Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi phải do tổ chức, cá nhân giám hộ và người nhận con nuôi lập và cùng ký vào Giấy thỏa thuận. Đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì người đại diện của cơ sở nuôi dưỡng ký Giấy thỏa thuận.

Nếu người được nhận làm con nuôi từ đủ 9 tuổi trở lên, thì trong Giấy thỏa thuận phải có ý kiến của người đó về việc đồng ý làm con nuôi, trừ trường hợp người đó bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Trong trường hợp người nhận con nuôi không cư trú tại xã, phường, thị trấn, nơi đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Giấy thỏa thuận về việc cho và nhận con nuôi phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người nhận con nuôi cư trú về việc người đó có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

b) Bản sao Giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi.

c) Biên bản xác nhận tình trạng trẻ bị bỏ rơi, nếu người được nhận làm con nuôi là trẻ bị bỏ rơi.

### *1.3. Trình tự đăng ký việc nuôi con nuôi*

- Người nhận con nuôi phải trực tiếp nộp hồ sơ nhận con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

- Trước khi đăng ký việc nuôi con nuôi, cán bộ Tư pháp - hộ tịch phải kiểm tra, xác minh kỹ các

nội dung sau đây: a) Tính tự nguyện của việc cho và nhận con nuôi; b) Tư cách của người nhận con nuôi; c) Mục đích nhận con nuôi.

Thời hạn kiểm tra, xác minh các nội dung trên không quá 5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thêm, thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 5 ngày. Sau thời hạn nói trên, nếu xét thấy việc cho và nhận con nuôi có đủ điều kiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010, thì Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi.

*1.4. Khi đăng ký việc nuôi con nuôi, bên cho, bên nhận con nuôi phải có mặt;* nếu người được nhận làm con nuôi từ đủ 9 tuổi trở lên, thì cũng phải có mặt. Cán bộ Tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên một bản chính Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi. Bản sao Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi được cấp theo yêu cầu của các bên cho và nhận con nuôi. Bên cho con nuôi có trách nhiệm giao cho cha, mẹ nuôi bản chính Giấy khai sinh của con nuôi.

## **2. Về thủ tục giám hộ**

*2.1. Thẩm quyền đăng ký việc giám hộ:* Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của người giám hộ hoặc nơi có trụ sở của cơ quan, tổ chức đảm nhận giám hộ thực hiện đăng ký việc giám hộ.

## *2.2. Thủ tục đăng ký việc giám hộ*

a) Người được cử làm giám hộ phải nộp Giấy cử giám hộ. Giấy cử giám hộ do người cử giám hộ lập; nếu có nhiều người cùng cử một người làm giám hộ, thì tất cả phải cùng ký vào Giấy cử giám hộ.

b) Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, nếu xét thấy việc giám hộ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, thì Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký việc giám hộ. Trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 5 ngày.

Khi đăng ký việc giám hộ, người cử giám hộ và người được cử làm giám hộ phải có mặt. Cán bộ Tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký giám hộ và Quyết định công nhận việc giám hộ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người giám hộ và người cử giám hộ mỗi bên một bản chính Quyết định công nhận việc giám hộ. Bản sao Quyết định công nhận việc giám hộ được cấp theo yêu cầu của người giám hộ và người cử giám hộ.

Trong trường hợp người được giám hộ có tài sản riêng, thì người cử giám hộ phải lập danh mục tài sản và ghi rõ tình trạng của tài sản đó, có chữ ký của người cử giám hộ và người được cử làm giám hộ. Danh mục tài sản được lập thành ba bản, một bản lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đăng ký việc giám hộ, một bản giao cho người giám hộ, một bản giao cho người cử giám hộ.

### Mục 3

## BẢO VỆ TRẺ EM KHUYẾT TẬT, TÀN TẬT VÀ TRẺ EM LÀ NẠN NHÂN CỦA CHẤT ĐỘC HOÁ HỌC

**Câu hỏi 69:** *Nhà nước có chính sách như thế nào trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học?*

### Trả lời:

Trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ, chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; được nhận vào các lớp học hoà nhập, lớp học dành cho trẻ em khuyết tật, tàn tật; được giúp đỡ học văn hoá, học nghề và tham gia hoạt động xã hội. Cụ thể là:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành về chăm sóc trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học;

- Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội, trợ giúp y tế, giáo dục, kết hợp với vận động cộng đồng hỗ trợ và chăm sóc thay thế trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học;

- Hỗ trợ trẻ em tàn tật nặng được chỉnh hình và phục hồi chức năng, như: hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích chỉnh hình phục hồi



chức năng cho trẻ em tàn tật, đặc biệt cho trẻ em tàn tật nặng ở các trung tâm chỉnh hình phục hồi chức năng, kết hợp với phục hồi chức năng ở cộng đồng theo một quy trình liên thông; vận động các nhà tài trợ trong và ngoài nước trợ giúp sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phẫu thuật và phục hồi chức năng cho trẻ em tàn tật nặng.

- Hỗ trợ các em học nghề, việc làm, như: hoàn thiện cơ chế, chính sách trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn học nghề, việc làm tại gia đình và nơi cư trú; xây dựng mô hình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn học nghề gắn với tạo việc làm; liên kết với doanh nghiệp, vận động các nhà tài trợ hỗ trợ thử nghiệm mô hình này ở một số địa phương.

- Trợ giúp các em tiếp cận các dịch vụ văn hóa, như: tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ văn hoá. Đối với trẻ em tàn tật, tạo điều kiện có lớp học, khu năng khiếu, ấn phẩm văn hoá và chương trình thể thao riêng; xuất bản một ấn phẩm văn hoá phục vụ độc giả là trẻ em khiếm thị, sản xuất một bộ phim hoạt hình và xây dựng mô hình điểm trường năng khiếu có trẻ em tàn tật theo học.

- Khuyến khích nhận nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước về nuôi dưỡng tại cộng đồng thông qua các hình thức gia đình hoặc cá nhân nhận nuôi dưỡng, nhận đỡ đầu, nhận nuôi con nuôi và chăm sóc tại Nhà xã hội.

- Xây dựng mô hình điểm Nhà xã hội chăm sóc

trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở cấp xã. Nhà xã hội là một mô hình mới về chăm sóc trẻ em, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, cử cán bộ kiêm nhiệm hoặc sử dụng tình nguyện viên quản lý Nhà xã hội. Đối với Nhà xã hội, ngân sách địa phương hỗ trợ một phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, còn lại, kinh phí chủ yếu huy động từ cộng đồng. Ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng Nhà xã hội trong thời gian triển khai thí điểm.

- Triển khai thí điểm việc chuyển đổi phương thức chăm sóc tập trung trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước sang chăm sóc tập trung tại mô hình “gia đình quy mô nhỏ” ở các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước.

- Thực hiện tập huấn cán bộ làm công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đặc biệt là cán bộ ở cấp cơ sở, về nội dung, phương pháp chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng, công tác xã hội, phương pháp và kỹ năng công tác xã hội<sup>1</sup>.

---

1. Xem thêm Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25-3-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án "Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005-2010", Thông tư liên tịch số 08/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 23-01-2006 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn kinh phí thực hiện Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg.

**Câu hỏi 70: *Những gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học như thế nào?***

**Trả lời:**

Việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không chỉ là trách nhiệm của gia đình, của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Nhà nước khuyến khích các gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học bằng nhiều hình thức khác nhau như:

- Đóng góp tự nguyện bằng tiền hoặc hiện vật trực tiếp cho cá nhân, gia đình, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hoặc thông qua các Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ Nạn nhân chất độc da cam;

- Nhận làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học;

- Tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học tại cơ sở trợ giúp trẻ em;

- Tổ chức các hoạt động để hỗ trợ trẻ em giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khoẻ, tinh thần và giáo dục đạo đức.

**Câu hỏi 71: *Trẻ em khuyết tật, tàn tật và trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học, khi khám chữa bệnh, phục hồi chức năng được hưởng những chế độ, chính sách gì?***

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật hiện hành<sup>1</sup> thì trẻ em dưới sáu tuổi (trẻ em chưa đủ bảy mươi hai tháng tuổi) được chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập (các cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương).

Trẻ em từ 6 đến dưới 16 tuổi được hưởng chính sách giảm phí khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng.

Ngoài ra, Nhà nước còn hỗ trợ trẻ em tàn tật nặng được chỉnh hình và phục hồi chức năng, có cơ chế, chính sách khuyến khích chỉnh hình phục hồi chức năng cho trẻ em tàn tật, đặc biệt cho trẻ em tàn tật nặng ở các trung tâm chỉnh hình phục hồi chức năng, kết hợp với phục hồi chức năng ở cộng đồng theo một quy trình liên thông; vận

---

1. Điều 15, Điều 27 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004; Điều 18 Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Thông tư liên tịch số 08/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 23-01-2006, Thông tư liên tịch số 15/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 05-02-2008, v.v..

động các nhà tài trợ trong và ngoài nước trợ giúp sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phẫu thuật và phục hồi chức năng cho trẻ em tàn tật nặng.

## **Mục 4**

### **BẢO VỆ TRẺ EM NHIỄM HIV/AIDS**

**Câu hỏi 72:** *Chính sách không phân biệt đối xử, chăm sóc, bảo vệ trẻ em nhiễm HIV/AIDS của Nhà nước ta được quy định như thế nào? Những cá nhân, gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS như thế nào?*

#### **Trả lời:**

1. Pháp luật Việt Nam không phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV/AIDS nói chung và trẻ em nói riêng. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS không bị phân biệt đối xử; được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để chữa bệnh, nuôi dưỡng tại gia đình hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em. Trẻ em nhiễm HIV có các quyền được sống hòa nhập với cộng đồng và xã hội, được điều trị và chăm sóc sức khỏe, được học văn hoá, học nghề, làm việc; được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS; được từ chối khám bệnh, chữa bệnh khi đang điều trị bệnh AIDS trong giai đoạn cuối và các quyền khác theo quy định của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở

người (HIV/AIDS) năm 2006 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Pháp luật nghiêm cấm các hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ; pháp luật tạo điều kiện để người nhiễm HIV và thành viên gia đình họ tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt là các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

2. Nhà nước khuyến khích các gia đình có điều kiện nên chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS. Những cá nhân, gia đình có điều kiện có thể chia sẻ với Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS bằng những hình thức sau:

- Đóng góp tự nguyện bằng tiền hoặc hiện vật trực tiếp cho cá nhân, gia đình, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hoặc thông qua các Quỹ Bảo trợ trẻ em, các Quỹ từ thiện khác.

- Nhận làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

- Tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nhiễm HIV/AIDS tại cơ sở trợ giúp trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động để hỗ trợ trẻ em giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức.

3. Pháp luật nghiêm cấm các hành vi sau đây:

- Cố ý lây truyền hoặc truyền HIV cho người khác.

- Đe dọa truyền HIV cho người khác.
- Kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV.
- Cha, mẹ bỏ rơi con chưa thành niên nhiễm HIV; người giám hộ bỏ rơi người được mình giám hộ nhiễm HIV.
- Công khai tên, địa chỉ, hình ảnh của người nhiễm HIV hoặc tiết lộ cho người khác biết việc một người nhiễm HIV khi chưa được sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 30 của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006.
- Đưa tin bịa đặt về nhiễm HIV đối với người không nhiễm HIV.
- Bắt buộc xét nghiệm HIV, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006.
- Truyền máu, sản phẩm máu, ghép mô, bộ phận cơ thể có HIV cho người khác.
- Từ chối khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh vì biết hoặc nghi ngờ người đó nhiễm HIV.
- Từ chối mai táng, hỏa táng người chết vì lý do liên quan đến HIV/AIDS.
- Lợi dụng hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi trái pháp luật.
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>.

---

1. Xem thêm Điều 4, Điều 8 Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006.

**Câu hỏi 73: *Khi trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS thì cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình cần thực hiện các biện pháp gì để mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ?***

**Trả lời:**

Trẻ em bị lây nhiễm HIV/AIDS chủ yếu thông qua con đường từ mẹ sang con, một phần nhỏ là qua con đường tiêm chích do nghiện ma túy hoặc qua con đường tình dục. Khi trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS thì cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình cần thực hiện các biện pháp sau:

- Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình của trẻ em nhiễm HIV có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, động viên tinh thần giúp các em sống hoà nhập với gia đình, cộng đồng và xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS.

- Cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình của trẻ em nhiễm HIV có thể khuyến khích và tạo điều kiện cho các em tham gia các hoạt động tái hoà nhập cộng đồng tùy theo lứa tuổi và hoàn cảnh thích hợp, như: tham gia vào các Nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ và các hình thức tổ chức sinh hoạt khác của người nhiễm HIV theo quy định của pháp luật; tham gia tuyên truyền và thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV hoặc các hoạt động khác về phòng, chống HIV/AIDS v.v..

Mặt khác, gia đình cũng cần có trách nhiệm



tuyên truyền, giáo dục cho các thành viên trong gia đình về phòng, chống HIV/AIDS, chủ động thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm HIV. Khuyến khích các thành viên trong gia đình tự nguyện xét nghiệm HIV đối với người trước khi kết hôn, dự định có con, phụ nữ mang thai v.v..

**Câu hỏi 74: Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS được hưởng chế độ, chính sách gì?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 313/2005/QĐ-TTg ngày 02-12-2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với người nhiễm HIV/AIDS và những người trực tiếp quản lý, điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS trong các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước thì trẻ em nhiễm HIV/AIDS được hưởng các chế độ chính sách sau:

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước được hưởng trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng thấp nhất bằng 210.000 đồng/trẻ em/tháng và các khoản trợ cấp theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09-3-2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội; Nghị định số 168/2004/NĐ-CP ngày 20-9-2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP; được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội mức ít nhất 130.000 đồng/người/năm (theo Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28-6-2007 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đối với trẻ em nhiễm HIV/AIDS sống tại cộng đồng, do xã, phường quản lý được hưởng mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên thấp nhất do xã, phường quản lý là 65.000 đồng/người/tháng.

Kinh phí để chi thực hiện chế độ trợ cấp và phụ cấp trên được bố trí trong dự toán chi bảo đảm xã hội của ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước.

**Câu hỏi 75: Việc khám, chữa bệnh cho các em nhiễm HIV/AIDS được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Pháp luật hiện hành quy định về khám, chữa bệnh cho trẻ em nhiễm HIV/AIDS như sau:

- Theo quy định chung thì trẻ em dưới 6 tuổi nhiễm HIV/AIDS được chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh miễn phí. Phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi nhiễm HIV được Nhà nước cấp miễn phí thuốc kháng HIV. Trẻ em từ đủ 6 đến dưới 16 tuổi nhiễm HIV được ưu tiên đầu tiên trong việc cấp thuốc kháng HIV do ngân sách nhà nước chi trả, thuốc do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ được cấp miễn phí cho người nhiễm HIV tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS. Ngoài ra, trẻ em nhiễm HIV còn được Nhà nước tạo điều

kiện tiếp cận thuốc kháng HIV thông qua các chương trình, dự án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

- Trẻ em bị phơi nhiễm với HIV (trẻ em có nguy cơ bị lây nhiễm HIV do tiếp xúc trực tiếp với máu hoặc dịch sinh học của cơ thể người nhiễm HIV) được tư vấn và hướng dẫn điều trị dự phòng lây nhiễm HIV.

- Thầy thuốc và nhân viên y tế có trách nhiệm điều trị trẻ em nhiễm HIV và giải thích cho các em hiểu về HIV/AIDS để tự giữ gìn sức khỏe và phòng lây nhiễm HIV cho người khác. Trẻ em nhiễm HIV mắc các bệnh nhiễm trùng cơ hội hoặc các bệnh khác liên quan đến HIV/AIDS thuộc chuyên khoa nào được cứu chữa tại chuyên khoa đó hoặc tại chuyên khoa riêng và được đối xử bình đẳng như những người bệnh khác.

- Trẻ em nhiễm HIV được chăm sóc tại gia đình, cơ sở y tế của Nhà nước. Trẻ em nhiễm HIV bị bỏ rơi, người nhiễm HIV không nơi nương tựa, không còn khả năng lao động được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước. Tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác được thành lập cơ sở chăm sóc người nhiễm HIV.

- Pháp luật cũng có những quy định cụ thể về phòng, chống lây nhiễm HIV từ mẹ sang con, như: phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV được miễn phí; phụ nữ nhiễm HIV được tạo điều

kiện tiếp cận các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con; phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, cho con bú được tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS; cơ sở y tế có trách nhiệm theo dõi, điều trị và thực hiện các biện pháp nhằm giảm sự lây nhiễm HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai<sup>1</sup>.

**Câu hỏi 76:** *Trong trường hợp gia đình không có khả năng chữa bệnh, nuôi dưỡng trẻ em nhiễm HIV/AIDS thì cần liên hệ với cơ quan, tổ chức nào để chữa bệnh, nuôi dưỡng các em?*

**Trả lời:**

Trong trường hợp gia đình không có khả năng chữa bệnh, nuôi dưỡng trẻ em nhiễm HIV/AIDS thì cần liên hệ với các cơ quan, tổ chức sau để chữa bệnh, nuôi dưỡng các em:

1. Các cơ sở chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng;
2. Các tổ chức tôn giáo, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội khác được thành lập các cơ sở nhân đạo, từ thiện để chăm sóc, nuôi dưỡng người nhiễm HIV và thực hiện các hoạt động khác trong phòng, chống HIV/AIDS.
3. Quỹ hỗ trợ, điều trị, chăm sóc người nhiễm

---

1. Xem thêm Chương IV Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006.

HIV được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để hỗ trợ, điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV.

**Câu hỏi 77: *Những địa chỉ cần thiết trong việc tư vấn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS?***

**Trả lời:**

Pháp luật hiện hành quy định mọi người có quyền tiếp cận với dịch vụ tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS. Tư vấn về HIV/AIDS là quá trình đối thoại, cung cấp các kiến thức, thông tin cần thiết về phòng, chống HIV/AIDS giữa người tư vấn và người được tư vấn nhằm giúp người được tư vấn tự quyết định, giải quyết các vấn đề liên quan đến dự phòng lây nhiễm HIV, chăm sóc và điều trị người nhiễm HIV.

Để tư vấn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em nhiễm HIV/AIDS thì các gia đình cần tìm đến các cơ sở y tế có trách nhiệm tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS ở địa phương, và các tổ chức, cá nhân được thành lập tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.

Gia đình cũng có thể nhận được các tư vấn cần thiết thông qua các Nhóm giáo dục đồng đẳng là những người tự nguyện tập hợp thành một nhóm để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động và giúp đỡ những người có cùng cảnh ngộ; thông qua các địa chỉ tư vấn cụ thể do Nhóm giáo dục đồng đẳng, cơ sở y tế cung cấp v.v..

## Mục 5

### BẢO VỆ TRẺ EM PHẢI LÀM VIỆC NẶNG NHỌC, NGUY HIỂM, TIẾP XÚC VỚI CÁC CHẤT ĐỘC HẠI VÀ TRẺ EM PHẢI LÀM VIỆC XA GIA ĐÌNH

**Câu hỏi 78:** *Thế nào là lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm những việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại?*

#### **Trả lời:**

1. Lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại là các hành vi sử dụng lao động trẻ em quá với sức lực và khả năng phát triển của các em và trái với các quy định của pháp luật về lao động. Pháp luật nghiêm cấm các hành vi lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, như:

- Cha mẹ, người giám hộ, người nhận nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

- Sử dụng trẻ em làm những công việc trong vũ trường, cơ sở xoa bóp, vật lý trị liệu, sòng bạc, nhà hàng karaoke, quán rượu, quán bia hoặc những nơi có nguy cơ ảnh hưởng xấu tới sự phát triển nhân cách của trẻ em.

- Sử dụng trẻ em trong sản xuất, kinh doanh văn hoá phẩm, sản phẩm hoặc đồ chơi, trò chơi

kích động bạo lực, đồi trụy, nguy hiểm có hại cho sự phát triển của trẻ em.

- Sử dụng trẻ em làm những công việc trái với quy định của pháp luật về lao động hoặc đúng với quy định nhưng bắt trẻ em lao động quá sức, quá thời gian, không trả công hoặc trả công không tương xứng<sup>1</sup>.

2. Bộ luật lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007) quy định:

- Nơi có sử dụng người lao động chưa thành niên phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi thanh tra viên lao động yêu cầu. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động.

Cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành.

---

1. Điều 9 Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Đối với ngành nghề và công việc được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, học nghề, tập nghề thì việc nhận và sử dụng những trẻ em này phải có sự đồng ý và theo dõi của cha mẹ hoặc người đỡ đầu.

- Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên không được quá 7 giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên làm thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

3. Danh mục các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được quy định tại Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18-9-2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Câu hỏi 79: *Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình, chính quyền cơ sở trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại?***

**Trả lời:**

Để ngăn ngừa tình trạng lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với các chất độc hại, pháp luật quy định gia đình, chính quyền sở tại có trách nhiệm:



- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phát hiện, giải quyết kịp thời tình trạng trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; tạo điều kiện cho trẻ em được học nghề, làm công việc phù hợp với sức khỏe, lứa tuổi trong phạm vi địa phương.

- Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm giữ liên hệ thường xuyên với trẻ em phải làm việc xa gia đình để giúp đỡ, giáo dục trẻ em.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trẻ em phải làm việc xa gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em được sống trong môi trường an toàn, được chăm sóc sức khỏe, học văn hoá, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất.

## Mục 6

### BẢO VỆ TRẺ EM LANG THANG

**Câu hỏi 80:** *Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình và chính quyền các cấp trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em lang thang?*

#### Trả lời:

Trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định hoặc trẻ em cùng với gia đình đi lang thang. Trẻ em lang thang là một tình trạng nhức nhối trong xã hội. Để phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em lang thang, mỗi gia đình phải thường xuyên quan tâm đến con cái, tìm hiểu tâm

tư, nguyện vọng, khuyến khích các em học tập, tham gia các sinh hoạt xã hội và cộng đồng v.v.. Pháp luật hiện hành nghiêm cấm các hành vi dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang, lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi, như:

- Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình hoặc hành vi khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo trẻ em bỏ nhà đi lang thang.

- Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đang sinh sống cùng với gia đình bỏ nhà đi lang thang.

- Tập hợp, chứa chấp trẻ em lang thang để bán vé số, sách, báo, tranh, ảnh, bán hàng rong hoặc các hoạt động khác nhằm mục đích trục lợi.

- Cha mẹ, người giám hộ bắt trẻ em đi lang thang kiếm sống.

Do vậy, mỗi cá nhân, gia đình khi phát hiện các hành vi trên cần báo cáo ngay với cơ quan chức năng (như chính quyền sở tại, cơ quan công an, cơ quan, tổ chức chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em ở địa phương...) để có biện pháp xử lý. Đồng thời giáo dục con em mình tránh xa những thủ đoạn nêu trên.

Đối với chính quyền các cấp, để phòng ngừa, hạn chế, ngăn chặn tình trạng trẻ em lang thang, pháp luật hiện hành quy định:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trẻ em đến lang thang phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trẻ em đi lang thang trong việc tổ

chức, giúp đỡ đưa trẻ em trở về với gia đình; đối với trẻ em lang thang mà không còn nơi nương tựa thì được tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em; đối với trẻ em lang thang của hộ nghèo thì được ưu tiên, giúp đỡ để xoá đói, giảm nghèo.

2. Đối với trẻ em cùng gia đình đi lang thang thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trẻ em cùng gia đình đến lang thang có trách nhiệm yêu cầu và tạo điều kiện để gia đình lang thang định cư, ổn định cuộc sống và để trẻ em được hưởng các quyền của mình.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để trẻ em lang thang được sống trong môi trường an toàn, không rơi vào tệ nạn xã hội.

**Câu hỏi 81: *Khi phát hiện trẻ em trong gia đình bỏ nhà đi lang thang, thì gia đình cần thực hiện các thủ tục khai báo như thế nào với chính quyền sở tại?***

**Trả lời:**

Khi phát hiện trẻ em trong gia đình bỏ nhà đi lang thang, gia đình cần thực hiện các thủ tục khai báo sau:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm đưa trẻ trở về với gia đình;

- Báo cáo với chính quyền sở tại (Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi trẻ cư trú, cơ quan công an gần nhất, tổ chức bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở cơ sở...) về tình trạng trẻ đi lang

thang, đặc điểm của trẻ, nơi trẻ có thể đến v.v.. Nếu có dấu hiệu trẻ bị dụ dỗ, lôi kéo đi lang thang, lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi, v.v. thì phải báo cáo ngay với các cơ quan, tổ chức trên để kịp thời có biện pháp xử lý thích hợp.

- Tự mình hoặc nhờ cơ quan, tổ chức hữu quan (chính quyền cơ sở, tổ chức bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở cơ sở, cơ quan báo chí...) thông báo tìm trẻ với các đặc điểm nhận dạng cần thiết;

- Thường xuyên liên hệ với các cơ quan trên nhằm nắm bắt và cung cấp thông tin về trẻ để có các biện pháp xử lý thích hợp.

## **Mục 7**

### **BẢO VỆ TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC**

**Câu hỏi 82: *Những hành vi nào được coi là xâm hại tình dục trẻ em?***

#### **Trả lời:**

Các hành vi sau đây bị coi là những hành vi xâm hại tình dục trẻ em:

1. Hành vi hiếp dâm trẻ em: hành vi hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ. Đối với nạn nhân là trẻ em chưa đủ 13 tuổi thì mọi trường hợp giao cấu với những trẻ em này (dù nạn nhân có đồng ý hay không đồng ý) đều bị coi là hành vi hiếp dâm trẻ em. Mọi hành vi hiếp dâm trẻ em đều bị pháp

luật hình sự xử lý nghiêm khắc, người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Người phạm tội có thể bị phạt tù có thời hạn từ 7 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;

2. Hành vi cưỡng dâm trẻ em: hành vi cưỡng dâm là hành vi dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu. Hành vi cưỡng dâm trẻ em cũng bị pháp luật hình sự xử lý nghiêm khắc. Điều 114 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định người nào cưỡng dâm trẻ em có thể bị phạt tù có thời hạn từ 5 đến 20 năm hoặc tù chung thân;

3. Hành vi giao cấu với người chưa thành niên từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi: Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định, người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (khác với trường hợp hiếp dâm hoặc cưỡng dâm, trong trường hợp này nạn nhân không bị ép buộc, cưỡng ép), thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm, trong trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì có thể bị phạt tù từ 3 đến 10 năm hoặc từ 7 đến 15 năm;

4. Hành vi dâm ô với trẻ em: được hiểu là hành vi sinh hoạt tình dục dưới các dạng khác nhau nhưng không phải ở dạng hành vi giao cấu (như hành vi kích thích, kêu gọi nhu cầu tình dục...),

hành vi dâm ô với trẻ em cũng bị xử lý hình sự, Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm, trong trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì có thể bị phạt tù từ 3 đến 7 năm hoặc từ 7 đến 12 năm.

5. Ngoài ra, các hành vi sau cũng đều bị coi là hành vi xâm hại tình dục trẻ em, như: dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em hoạt động mại dâm; dùng thủ đoạn nói dối, gian lận để trẻ em hoạt động mại dâm; dẫn, chỉ dẫn, môi giới, tổ chức, xúi giục trẻ em hoạt động mại dâm; che giấu, cho thuê, mượn hoặc bố trí nơi để trẻ em hoạt động mại dâm; dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; cho trẻ em tiếp xúc với văn hoá phẩm, sản phẩm có nội dung khiêu dâm hoặc tác động vào cơ thể trẻ em nhằm kích động tình dục trẻ em v.v..

**Câu hỏi 83: *Gia đình, các cấp chính quyền, đoàn thể và cộng đồng cần làm gì để phòng ngừa tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục?***

**Trả lời:**

Để phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục, gia đình, các cấp chính quyền, đoàn thể và cộng đồng cần thực hiện các biện pháp như:

- Các biện pháp tư vấn sức khoẻ sinh sản, tư vấn pháp lý, tư vấn phòng ngừa lạm dụng tình dục v.v. cho các em phù hợp với từng lứa tuổi;

- Thực hiện các biện pháp phục hồi sức khoẻ, tinh thần cho những trẻ em là nạn nhân của nạn xâm hại tình dục. Việc phục hồi sức khoẻ, tinh thần, tâm lý cho các em cần được sự hướng dẫn của các tổ chức chuyên môn (các cơ sở y tế, các tổ chức tư vấn tâm lý, sức khoẻ v.v.);

- Tạo điều kiện cho các em ổn định cuộc sống, hoà nhập cộng đồng;

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa các hành vi xâm hại tình dục trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua các buổi họp, sinh hoạt tại cộng đồng v.v.;

- Phát hiện kịp thời và tố cáo các hành vi xâm hại tình dục trẻ em với cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

## **Mục 8**

### **BẢO VỆ TRẺ EM NGHIỆN MA TUÝ**

**Câu hỏi 84:** *Khi phát hiện trẻ em có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến ma tuý, gia đình cần thực hiện các biện pháp gì?*

#### **Trả lời:**

Khi phát hiện trẻ em trong gia đình có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến ma tuý, gia đình cần thực hiện các biện pháp sau:

- Đưa trẻ em đi kiểm tra hoặc xét nghiệm máu tại các cơ sở y tế nhằm phát hiện sớm tình trạng nghiện ma túy để có biện pháp điều trị thích hợp;

- Kịp thời giúp đỡ, động viên chữa trị cho con em mình vượt qua những khó khăn về thể chất và tinh thần do hậu quả của ma túy mang lại;

- Khi phát hiện các hành vi dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy thì cần thông báo kịp thời các thông tin cần thiết cho chính quyền sở tại, lực lượng công an phòng, chống ma túy để có biện pháp ngăn chặn kịp thời;

- Áp dụng các biện pháp cai nghiện theo đúng chỉ định của bác sĩ;

- Trong trường hợp cần thiết làm thủ tục đưa trẻ vào các cơ sở cai nghiện, cơ sở chữa bệnh ở địa phương.

**Câu hỏi 85: *Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình trong việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy và giúp đỡ trẻ em cai nghiện ma túy?***

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy và cai nghiện ma túy là:

1. Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý



chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy;

2. Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh;

3. Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác;

4. Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

5. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết kịp thời những thông tin, tố giác về tệ nạn ma túy.

6. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, báo cáo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc trồng cây có chứa chất ma túy; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức<sup>1</sup>.

Pháp luật nghiêm cấm các hành vi dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất kích thích khác có hại cho sức khoẻ. Cụ thể là:

---

1. Xem: Điều 6, 7, 8 Luật phòng, chống ma túy năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2008.

1. Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình hoặc hành vi khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, đánh bạc, sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ em.

2. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để lôi kéo trẻ em đánh bạc; tổ chức cho trẻ em đánh bạc dưới mọi hình thức.

4. Dùng các thủ đoạn nói dối, gian lận để trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Bán cho trẻ em rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe.

7. Cho trẻ em uống rượu, bia, hút thuốc lá, sử dụng chất kích thích khác có hại cho sức khỏe.

**Câu hỏi 86: *Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy và giúp đỡ trẻ em cai nghiện ma túy?***

**Trả lời:**

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu

quan trọng việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em nghiện ma túy được quy định cụ thể trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Luật phòng, chống ma túy năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2008. Cụ thể là:

1. Cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động phòng, chống ma túy có trách nhiệm tổ chức cai nghiện tại gia đình hoặc tại cơ sở cai nghiện cho trẻ em nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2008.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em cai nghiện được tham gia các hoạt động lành mạnh, có ích và phải bố trí cho trẻ em cai nghiện ở khu vực dành riêng cho trẻ em.

3. Tại các vùng phải xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm: tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức,

pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh; phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tệ nạn ma túy; giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư; phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

5. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm: tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy; phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy; phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

6. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tệ nạn ma túy; tuyên

truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

7. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

8. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành một số hoạt động sau đây: chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động ngăn chặn, đấu tranh chống các tội phạm về ma túy tại các địa bàn biên giới và nội địa; áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy; trưng cầu giám định mẫu vật, mẫu phẩm sinh học cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy; yêu cầu cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình tài chính và tài khoản tại ngân hàng khi có căn cứ cho rằng có hành vi vi phạm; yêu cầu cơ quan bưu điện mở bưu kiện, bưu phẩm để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng trong bưu kiện, bưu phẩm đó có chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy v.v..

**Câu hỏi 87: Thủ tục đưa các em vào cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

**1. Pháp luật hiện hành quy định:**

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tự nguyện hoặc được gia đình làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc dành riêng cho họ.

- Việc cai nghiện ma túy đối với trẻ em không coi là việc xử lý vi phạm hành chính.

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của pháp luật là Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội. Tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc, thẩm quyền, thời gian, chế độ cai nghiện, thủ tục đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Chính phủ quy định.

**2. Thủ tục lập hồ sơ đối với người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.**

Theo Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10-6-2004 của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử

lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh thì những người chưa thành niên nghiện ma túy sau đây bị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội: a) Người đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện; b) Người đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện; c) Người không có nơi cư trú nhất định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội để cai nghiện bắt buộc. Thời hạn cai nghiện, phục hồi áp dụng đối với người chưa thành niên nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội từ một năm đến hai năm.

Thủ tục lập hồ sơ đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội chữa trị, cai nghiện được thực hiện như sau:

- Lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện:

+ Đối với người có nơi cư trú nhất định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người đó cư trú, lập hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công an cấp xã) có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc

cùng cấp, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thu thập tài liệu và lập hồ sơ. Hồ sơ gồm có: a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện; b) Tài liệu về các vi phạm pháp luật của người đó và các biện pháp cai nghiện, giáo dục đã áp dụng; c) Nhận xét của Công an cấp xã, ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp mà người đó là thành viên; d) Bệnh án (nếu có).

+ Đối với người không có nơi cư trú nhất định: Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đối với người không có nơi cư trú nhất định thực hiện theo quy định tại một Nghị định khác của Chính phủ.

- Trách nhiệm và thời hạn thẩm tra hồ sơ: trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Thủ trưởng cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Thủ trưởng cơ quan Công an cùng cấp thẩm tra hồ sơ, thu thập tài liệu, hoàn chỉnh hồ sơ và gửi đến các thành viên của Hội đồng Tư vấn.

- Hội đồng Tư vấn về việc đưa vào cơ sở cai nghiện: Hội đồng Tư vấn về việc đưa vào cơ sở cai nghiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập để xét, duyệt hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng Tư vấn có trách nhiệm xét duyệt xong hồ sơ.



- Quyết định việc đưa vào cơ sở cai nghiện: trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Hội đồng Tư vấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc đưa vào cơ sở cai nghiện. Quyết định được gửi cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ bị đưa vào cơ sở cai nghiện, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an, Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

- Thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện: trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện. Người phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện nếu không tự giác chấp hành quyết định thì cơ quan Công an áp dụng những biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để buộc người đó phải chấp hành quyết định.

3. Thủ tục, hồ sơ của người tự nguyện vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội:

Hồ sơ của người tự nguyện vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội gồm:

- Đơn của người tự nguyện xin vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội để được chữa trị, cai nghiện, phục hồi. Đơn phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Nội dung đơn phải nêu đầy đủ tình trạng nghiện và các hình thức cai nghiện, giáo dục, chữa trị đã thực

hiện (nếu có); cam kết của người tự nguyện hoặc của cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc người giám hộ của người tự nguyện.

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận tạm trú dài hạn (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu). Hồ sơ của người tự nguyện được gửi cho Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

- Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người tự nguyện xin vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Giám đốc Trung tâm xét duyệt hồ sơ và căn cứ vào khả năng tiếp nhận của Trung tâm để ra quyết định tiếp nhận. Quyết định tiếp nhận được gửi cho người tự nguyện, cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc người giám hộ và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

- Khi tiếp nhận người tự nguyện, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội phải: kiểm tra, đối chiếu người vào đúng với quyết định tiếp nhận và hồ sơ; khám sức khỏe, lập hồ sơ bệnh án; lập biên bản tiếp nhận.

- Thời hạn chữa trị, cai nghiện, phục hồi áp dụng cho người tự nguyện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội ít nhất là sáu tháng đối với người nghiện ma túy. Tùy từng đối tượng cụ thể mà Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội bố trí việc thực hiện các hoạt động chữa trị, cai nghiện, phục hồi sức khỏe

theo quy trình phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian chữa trị, cai nghiện, phục hồi mà người nghiện ma túy không muốn tiếp tục tự nguyện ở lại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thì phải có đơn gửi Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội xem xét, quyết định. Đơn phải có ý kiến đồng ý của cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc người giám hộ. Người tự nguyện hoặc gia đình người đó có trách nhiệm thanh toán chi phí trong thời gian ở Trung tâm theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 88: Chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đối với trẻ em được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10-6-2004 của Chính phủ thì chế độ cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy đối với trẻ em được quy định như sau:

1. Chế độ quản lý, giáo dục, lao động, học tập và chữa trị: người tự nguyện xin vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội phải chịu sự quản lý, giáo dục, tuân theo chế độ lao động, học tập và cai nghiện, chữa trị do Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội quy định, tuân thủ nội quy của Trung tâm và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trước khi hết thời hạn chữa trị, phục hồi

mười ngày, người tự nguyện xin vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội được Giám đốc Trung tâm thông báo và khi hết thời hạn được Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội cấp Giấy chứng nhận đã chữa trị, cai nghiện, phục hồi. Bản sao Giấy chứng nhận được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

3. Người tự nguyện xin vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm, trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của pháp luật. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu cụ thể chi phí chữa trị, cai nghiện, phục hồi theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định các khoản đóng góp chi phí cho người tự nguyện chữa trị, cai nghiện, phục hồi trong thời gian ở Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

## Mục 9

### BẢO VỆ TRẺ EM VI PHẠM PHÁP LUẬT

**Câu hỏi 89:** *Trách nhiệm hình sự đối với trẻ em phạm tội được quy định như thế nào?*

**Trả lời:**

Theo Điều 12 và Điều 69 Bộ luật hình sự năm

1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội là:

1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

5. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

6. Án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

**Câu hỏi 90: *Trách nhiệm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7, Điều 12, Điều 23, 24, 26 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì:

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), như: cảnh cáo, phạt tiền. Tuy theo tính chất, mức độ vi phạm, còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính... Ngoài ra còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại v.v..

Khi phạt tiền đối với họ thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay (Điều 7 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008).

2. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 được

sửa đổi, bổ sung năm 2009; người từ đủ 12 tuổi trở lên nhiều lần có hành vi trộm cắp vật, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng; người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 2 Điều 23 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008).

3. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp vật, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (khoản 2 Điều 24 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008).

4. Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 16 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục



tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh (khoản b Điều 26 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008).

**Câu hỏi 91: *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với trẻ em được quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 606 và Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2005 thì:

1. Người chưa thành niên dưới mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ các trường hợp sau:

- Người dưới mười lăm tuổi trong thời gian học tại trường mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

- Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, tổ chức khác trực tiếp quản lý thì bệnh viện, tổ chức khác phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

- Trong các trường hợp nêu trên, nếu trường học, bệnh viện, tổ chức khác chứng minh được mình không có lỗi trong quản lý thì cha, mẹ, người giám hộ của người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự phải bồi thường.

2. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi thường; nếu người được giám hộ không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

**Câu hỏi 92: *Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, chính quyền cơ sở và đoàn thể trong việc giúp trẻ em vi phạm pháp luật sớm sửa chữa sai lầm, tái hoà nhập cộng đồng được pháp luật quy định như thế nào?***

**Trả lời:**

Khi trẻ em vi phạm pháp luật trở về cộng đồng thì cha mẹ, gia đình, nhà trường, chính quyền và đoàn thể cơ sở cần có trách nhiệm:

1. Trẻ em vi phạm pháp luật được gia đình, nhà trường và xã hội giáo dục, giúp đỡ để sửa chữa sai lầm, có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quy tắc của đời sống xã hội và sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Việc tổ chức giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật chủ yếu

được thực hiện tại cộng đồng hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Trẻ em vi phạm pháp luật đã bị xử lý bằng biện pháp hành chính, hình sự cách ly khỏi cộng đồng trong một thời gian nhất định, khi trở về gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan tạo điều kiện, giúp đỡ tiếp tục học văn hoá, học nghề và hỗ trợ tìm việc làm.

3. Trường hợp trẻ em đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt cần được cha mẹ và các thành viên trong gia đình quan tâm chăm sóc, tạo điều kiện để được học nghề và có việc làm và tiếp tục học tập (nếu còn trong độ tuổi đi học).

4. Trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt mà không có nơi nương tựa được đưa vào cơ sở trợ giúp trẻ em.

5. Cơ quan có chức năng bảo vệ quyền của trẻ em chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động những người nhiệt tình, có kinh nghiệm, có phương pháp, hiểu tâm lý trẻ em để tổ chức, quản lý cơ sở trợ giúp trẻ em thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

6. Cơ sở trợ giúp trẻ em có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, tạo điều kiện để trẻ em được học văn hoá, học nghề hoặc làm việc phù hợp.

7. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí, nhận trẻ em vào làm việc, học tập. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách khuyến khích các cơ

quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận trẻ em vào làm việc, học tập.

8. Đối với trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt tuy còn nơi nương tựa nhưng chưa thể tái hoà nhập với gia đình thì được đưa vào cơ sở trợ giúp trẻ em và cha mẹ có trách nhiệm đóng góp một phần kinh phí theo thoả thuận với cơ sở trợ giúp trẻ em để nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em đó.

Chịu trách nhiệm xuất bản  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG  
Chịu trách nhiệm nội dung  
TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

Biên tập nội dung: PHẠM VIỆT  
TRẦN HÀ TRANG  
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG  
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO  
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
Đọc sách mẫu: TRẦN HÀ TRANG

## NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 39422008 FAX: 84-4-39421881  
E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

### TÌM ĐỌC

- **LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ**
- **LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP**
- **PHÁP LỆNH DÂN SỐ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**
- **QUY ĐỊNH MỚI VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ (xã, phường, thị trấn)**

**Lan Anh**

- **HỎI - ĐÁP VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

**Bích Loan**

- **HỎI - ĐÁP VỀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ, GIÁM SÁT CÁN BỘ TẠI CỘNG ĐỒNG, KHU DÂN CƯ**

